UBND HUYỆN DIỄN CHÂU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TIỂU HỌCDIỄN THỌ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....... /KHGD - THDT *Diễn Thọ, ngày 29 tháng 8 năm 2024*

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024- 2025**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Thực hiện Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành khung thời gian năm học 2024-2025 đối với GDMN, GDPT và GDTX.

Công văn số 1841/SGDĐT-GDTH ngày 21/8/2024 của Sở GD&ĐT Nghệ An về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Công văn số 310 /BC-UBND, ngày 14/8/2024 của Ủy ban nhân huyện Diễn Châu về Báo cáo kết quả nhiệm vụ năm học 2023-2024 và triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Công văn số 739/ PGD&DT-TH ngày 29/8//2024 của Phòng GD-ĐT Diễn Châu về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình thực tiễn của nhà trường và địa phương, trường tiểu học Diễn Thọ xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 -2025 với nhũng nội dung cơ bản như sau:

**II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024-2025**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Diễn Thọ là xã đồng bằng dân cư đông đúc. Với diện tích 808,6 ha; 2326 hộ, 9078 nhân khẩu, phân bổ ở 8 xóm. Người dân nơi đây sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp, buôn bán; dịch vụ khá phát triển.

Diễn Thọ là địa phương có truyền thống hiếu học, người dân rất quan tâm đến giáo dục nói chung và việc học của học sinh.

Giáo dục được đảng chính quyền các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội các nhà hảo tâm và phụ huynh học sinh quan tâm.

Ngân sách địa phương đầu tư xây dựng tu bổ cơ sở vật chất cho trường tiểu học nói riêng, cho giáo dục nói chung còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay.

1. **Đặc điểm tình hình nhà trường .**

***2.1. Học sinh:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Toàn trường | Tổng số |  | | | | |
| Khối 1 | Khối 2 | Khối 3 | Khối 4 | Khối 5 |
| Số lớp: | **22** | 4 | 4 | 5 | 5 | 4 |
| Số học sinh: | **813** | **163** | **145** | **179** | **176** | **150** |
| HS Nữ | **398** | 80 | 73 | 91 | 86 | 68 |
| HS KT, HS có KK về học | **10** | 4 | 1 | 3 | 1 | 1 |
| Lưu ban | **4** | 4 | 0 | 0 |  |  |
| Hộ nghèo | **23** | 6 | 5 | 4 | 5 | 3 |
| Cận nghèo | **45** | 6 | 9 | 11 | 10 | 9 |

***2.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÁN BỘ-GV-CNV**  **TOÀN TRƯỜNG** | **TS** | **NỮ** | ĐẢNG | **TRONG ĐÓ** | | | | | | | | | **GHI CHÚ** |
| **TRÌNH ĐỘ** | | | | **X.LOẠI CH.MÔN** | | | **BC** | **HĐ** |
|  | | | |  | | |
| **Th.S** | **ĐH** | **CĐ** | **TC** | **Giỏi Tỉnh** | **Giỏi huyện** | **Giỏi trường** |
| **Tổng số:** | **34** | **31** | **31** | **1** | **26** | **5** | **1** | **4** | **27** |  | **32** | **2** |  |
| - Quản lí | 2 | 1 | 2 | 1 | 1 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |  |
| - Giáo viên | 29 | 26 | 27 |  | 24 | 5 |  | 4 | 25 |  | 27 | 2 |  |
| *+ Âm nhạc* | 1 | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 |  | 1 |  |  |
| *+ Mý thuật* | 1 | 1 | 1 |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  |
| *+ Tiếng Anh* | 3 | 3 | 3 |  | 3 |  |  | 1 | 3 |  | 3 |  |  |
| *+ Tin học* | 1 | 1 | 0 |  | 2 |  |  |  |  |  | 1 |  |  |
| *+ Thể dục* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Phục vụ | 3 | 3 | 2 |  | 2 |  | 1 |  |  |  | 3 |  |  |

***2.3.Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:***

*\* Cơ sở vật chất:*

-Diện tích khuôn viên nhà trường: 5358 m2 có khu sân chơi bãi tập, có các đò chơi cho học sinh vui chơi trong các giờ chơi.

- Có nhà xe đảm bảo đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng hàng ngày.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Phòng học kiên cố: 20.  - Phòng học bán kiên cố: 2.  - Văn phòng Hội đồng:01  - Phòng Hiệu trưởng: 01  - Phòng Phó Hiệu trưởng: 01  - Phòng tin học: 01 |  | - Phòng Truyền thống - Đội: 01  - Phòng Y tế học đường: 01  - Phòng Thư viện: 01  - Phòng Thiết bị: 0  - Phòng trực bảo vệ: 01 |

*\*Thiết bị dạy học:*

- Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo yêu cầu.

- Các phòng học, phòng chức năng được trang bị đầy đủ hệ thống quạt mát, ánh sáng, mỗi phòng học được trang bị 1 ti vi 55 in được kết nối mạng iternet( dự kiến bổ sung thêm 1 CPU cho mỗi phòng học để phục vụ cho công tác dạy học.

**3. Đánh giá chung:**

**3.1. Thuận lợi :**

Tập thể đoàn kết, đồng thuận, luôn biết phát huy nội lực, hiểu và chia sẻ với khó khăn, nổ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phụ huynh quan tâm, ủng hộ nhà trường về phát triển chương trình mục tiêu giáo dục, công tác xã hội hóa, tài trợ giáo dục…

Có sự quan tâm chỉ đạo của ngành GD&ĐT, sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, PHHS...

**3.2. Khó khăn:**

Đội ngũ giáo viên thiếu, khó khăn trong việc tổ chức dạỵ học 2 buổi/ngày; không hợp đồng giáo viên văn hoá làm chủ nhiệm lớp.

Vẫn còn một bộ phận gia đình PH học sinh còn nghèo, đầu tư cho việc học của học sinh còn hạn chế; nhiều học sinh bố mẹ đi làm ăn xa ở với ông bà già yếu, nên việc phối hợp gia đinh- nhà trường còn khó khăn.

Cơ sở vật chất thiếu và yếu một số hạng mục. Cụ thể:

+ Nhu cầu cần có: 22 phòng học chung, 4 phòng bộ môn (ÂN, MT, NN, KHCN) = 26 phòng.

+ Hiện có: 22 phòng (trong đó 02 phòng cấp 4). Thiếu 04 phòng học ( phải lấy ÂN, MT, NN, KHCN) làm phòng học, đây là những môn phát triển năng khiếu, kỹ năng…Nhất là môn Ngoại ngữ trong giai đoạn hiện nay.

+ Phòng P.HT, Thư viện, thiết bị, tổ chức đoàn thể đã xuống cấp không sử dụng được phải đóng cửa.

+ Công trình vệ sinh HS, GV quá tải, xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu

+ Để đáp ứng yêu cầu CQG mức độ 2, KĐCL cấp độ 3**:** Hiện thiếu 01 phòng đa năng, 02 phòng nghỉ GV, 01 phòng Đội, nhà đa năng; phòng P. HT, TV, TB, tổ chức đoàn thể, tư vấn tâm lý, ÂN, MT, NN, TH, KHCN .

**III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 -2025.**

**1. Mục tiêu chung:**

1.1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; tăng cường trách nhiệm giải trình của nhà trường và giáo viên trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học.

1.2. Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường đáp ứng nhu cầu phát triển phẩm chất, năng lực người học; thực hiện có hiệu quả chương trình lồng ghép GD địa phương, GD S tem; nâng cao chất lượng ngoại ngữ, tin học;

1.3.. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; không ngừng nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý; thực hiện hiệu quả công tác đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và chuẩn hiệu trưởngvà thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định.

1.4. Phát động, tổ chức tốt các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

1.5. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

1.6.Tập trung tham mưu, bổ sung CSVC hợp lý để thực hiện mục tiêu PCGDTH bền vững, đảm bảo tốt các điều kiện cho việc thực hiện CTGDPT 2018 và giữ vứng trường đạt CQG nức độ 2, KĐCL cấp độ 3.

**2. Chỉ tiêu cụ thể:**

**2.1. Danh hiệu tập thể*:***

- Trường: Hoàn thành tốt nhiệm vụ; đạt danh hiệu Tập thể LĐTT.

- Công đoàn: mạnh xuất sắc. Liên đội: Xếp loại Xuất sắc

- Lớp Xuất sắc:15; lớp Tiên tiến: 07.

-Tổ lao động giỏi: 02 tổ.

**2. 2. Chất lượng GD:**

***\* Chỉ tiêu các môn học và HĐGD***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Lớp 1** | | **Lớp 2** | | **Lớp 3** | | **Lớp 4** | | **Lớp 5** | |
| **TS** | **Tỷ lệ %** | **TS** | **Tỷ lệ %** | **TS** | **Tỷ lệ %** | **TS** | **Tỷ lệ %** | **TS** | **Tỷ lệ %** |
|
| **Tổng số học sinh** | **163** |  | **145** |  | **179** |  | **176** |  | **150** |  |
| ***1. Toán*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | 128 | 79.0 | 114 | 78,6 | 133 | 73.2 | 130 | 73.8 | 110 | 73.3 |
| Hoàn thành | 32 | 19.2 | 31 | 21,4 | 46 | 26.8 | 46 | 26,2 | 40 | 26.6 |
| Chưa hoàn thành | 3 | 1.8 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2. Tiếng Việt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | 128 | 79.0 | 105 | 72.4 | 130 | 72.6 | 130 | 73.8 | 107 | 71.3 |
| Hoàn thành | 32 | 19.2 | 40 | 27.6 | 49 | 27.4 | 46 | 26,2 | 43 | 28.7 |
| Chưa hoàn thành | 3 | 1.8 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3. Khoa học*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt |  |  |  |  |  |  | 132 | 75. | 117 | 78 |
| Hoàn thành |  |  |  |  |  |  | 44 | 25 | 33 | 22 |
| ***4. LS&ĐL*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt |  |  |  |  |  |  | 132 | 75 | 117 | 78 |
| Hoàn thành |  |  |  |  |  |  | 44 | 25 | 33 | 22 |
| ***5. Đạo đức*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | 130 | 79.7 | 116 | 80,0 | 138 | 78,8 | 148 | 83,1 | 116 | 77,8 |
| Hoàn thành | 33 | 20.3 | 29 | 20,0 | 41 | 21.2 | 28 | 16,9 | 34 | 22,2 |
| ***6. TN&XH*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | 123 | 76.0 | 113 | 77.9 | 134 | 74,8 |  |  |  |  |
| Hoàn thành | 40 | 24.0 | 32 | 22,1 | 45 | 25.2 |  |  |  |  |
| ***7. Âm nhạc*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | 123 | 76.0 | 105 | 72.4 | 130 | 72.6 | 139 | 78,0 | 115 | 77,2 |
| Hoàn thành | 40 | 24.0 | 40 | 27.6 | 49 | 27.4 | 36 | 22,0 | 34 | 22,8 |
| ***8. Mĩ thuật*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | 123 | 76.0 | 105 | 72.4 | 130 | 72.6 | 139 | 78,0 | 115 | 77,2 |
| Hoàn thành | 40 | 24.0 | 40 | 27.6 | 49 | 27.4 | 36 | 22,0 | 34 | 22,8 |
| ***9. HĐ trải nghiệm*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | 130 | 79.7 | 113 | 77.9 | 134 | 74,8 | 140 | 78,6 | 119 | 79,9 |
| Hoàn thành | 33 | 20.3 | 32 | 22,1 | 45 | 25.2 | 36 | 21,4 | 31 | 20,1 |
| ***10. GDTC*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt | 125 | 76.6 | 113 | 77.9 | 130 | 72.6 | 141 | 79,2 | 117 | 75,5 |
| Hoàn thành | 38 | 23.4 | 32 | 22,1 | 49 | 27.4 | 35 | 20,8 | 33 | 24,5 |
| ***11. Công nghệ*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt |  |  |  |  | 134 | 74,8 | 141 | 79,2 | 115 | 77,2 |
| Hoàn thành |  |  |  |  | 45 | 25.2 | 35 | 20,8 | 35 | 22,8 |
| ***12. Tin học*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt |  |  |  |  | 130 | 72.6 | 141 | 79,2 | 115 | 77,2 |
| Hoàn thành |  |  |  |  | 49 | 27.4 | 35 | 20,8 | 35 | 22,8 |
| ***13. Ngoại ngữ*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành tốt |  |  |  |  | 134 | 74,8 | 132 | 74,2 | 114 | 76,5 |
| Hoàn thành |  |  |  |  | 45 | 25.2 | 44 | 26,8 | 36 | 23,5 |

**\*Chỉ tiêu phẩm chất.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Lớp 1** | | **Lớp 2** | | **Lớp 3** | | **Lớp 4** | | **Lớp 5** | |
| **TS** | **TL%** | **TS** | **TL%** | **TS** | **TL%** | **TS** | **TL%** | **TS** | **TL**  **%** |
|
| **Tổng số học sinh** | **163** |  | **145** |  | **179** |  | **176** |  | **150** |  |
| ***1.Yêu nước*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 146 | 90.0 | 129 | 89.0 | 161 | 90.0 | 158 | 90.0 | 136 | 91.0 |
| Đạt | 17 | 10 | 16 | 11.0 | 18 | 10.0 | 18 | 10.0 | 14 | 9.0 |
| ***2. Nhân ái*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 127 | 78.0 | 114 | 79.0 | 143 | 80.0 | 140 | 80.0 | 120 | 80 |
| Đạt | 36 | 22.0 | 31 | 21.0 | 36 | 20.0 | 36 | 20.0 | 30 | 20.0 |
| ***3. Chăm chỉ*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 127 | 78.0 | 114 | 79.0 | 143 | 80.0 | 140 | 80.0 | 120 | 80 |
| Đạt | 36 | 22.0 | 31 | 21.0 | 36 | 20.0 | 36 | 20.0 | 30 | 20.0 |
| ***4. Trưng thực*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 146 | 90.0 | 129 | 89.0 | 161 | 90.0 | 158 | 90.0 | 136 | 91.0 |
| Đạt | 17 | 10 | 16 | 11.0 | 18 | 10.0 | 18 | 10.0 | 14 | 9.0 |
| ***5. Tránh nhiệm*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tốt | 127 | 78.0 | 114 | 79.0 | 143 | 80.0 | 140 | 80.0 | 120 | 80 |
| Đạt | 36 | 22.0 | 31 | 21.0 | 36 | 20.0 | 36 | 20.0 | 30 | 20.0 |

**\* Chỉ tiêu năng lực.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Lớp 1** | | **Lớp 2** | | | **Lớp 3** | | | **Lớp 4** | | **Lớp 5** | |
| **TS** | **TL %** | **TS** | **TL %** | **TS** | | **TL %** | **TS** | | **TL %** | **TS** | **TL %** |
|
| **Tổng số học sinh** | **163** |  | **145** |  | **179** | |  | **176** | |  | **150** |  |
| ***1.Tự chủ và tự học*** |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| Tốt | 127 | 78.0 | 115 | 79.3 | 161 | | 90.0 | 158 | | 90.0 | 136 | 91.0 |
| Đạt | 36 | 22.0 | 30 | 20.7 | 18 | | 10.0 | 18 | | 10.0 | 14 | 9.0 |
| ***2. Giao tiếp và hợp tác*** |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| Tốt | 127 | 78.0 | 114 | 79.0 | 143 | | 80.0 | 140 | | 80.0 | 120 | 80 |
| Đạt | 36 | 22.0 | 31 | 21.0 | 36 | | 20.0 | 36 | | 20.0 | 30 | 20.0 |
| ***3. GQVĐ sáng tạo*** |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| Tốt | 117 | 72.4 | 110 | 75,8 | 143 | | 80.0 | 140 | | 80.0 | 120 | 80 |
| Đạt | 46 | 27.6 | 35 | 24,2 | 36 | | 20.0 | 36 | | 20.0 | 30 | 20.0 |
| ***4. Ngôn ngữ*** |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| Tốt | 127 | 78.0 | 120 | 82.7 | 130 | | 72.6 | 130 | | 73.8 | 107 | 71.3 |
| Đạt | 36 | 22.0 | 25 | 17.3 | 49 | | 27.4 | 46 | | 26,2 | 43 | 28.7 |
| ***5. Tính toán*** |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| Tốt | 128 | 79.0 | 114 | 79.0 | 133 | | 73.2 | 130 | | 73.8 | 110 | 73.3 |
| Đạt | 35 | 21% | 31 | 21.0 | 46 | | 26.8 | 46 | | 26,2 | 40 | 26.6 |
| ***6. Khoa học*** |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  |  | |  | 132 | | 75 | 117 | 78 |
| Đạt |  |  |  |  |  | |  | 44 | | 25 | 33 | 22 |
| ***7. Công nghệ*** |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  | 134 | | 74,8 | 141 | | 79,2 | 115 | 77,2 |
| Đạt |  |  |  |  | 45 | | 25.2 | 35 | | 20,8 | 35 | 22,8 |
| ***8. Tin học*** |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| Tốt |  |  |  |  | 128 | | 71.5 | 141 | | 79,2 | 115 | 77,2 |
| Đạt |  |  |  |  | 51 | | 28.5 | 35 | | 20,8 | 35 | 22,8 |
| ***9. Thẫm mĩ*** | 117 | 72.4 | 110 | 75,8 | 130 | | 72.6 | 139 | | 78,0 | 115 | 77,2 |
| Tốt | 46 | 27.6 | 35 | 24,2 | 49 | | 27.4 | 36 | | 22,0 | 34 | 22,8 |
| Đạt |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |
| ***10. Thể chất*** | 117 | 72.4 | 120 | 82.7 | 130 | | 72.6 | 141 | | 79,2 | 117 | 75,5 |
| Tốt | 46 | 27.6 | 25 | 17.3 | 49 | | 27.4 | 35 | | 20,8 | 33 | 24,5 |
| Đạt |  |  |  |  |  | |  |  | |  |  |  |

***\*Chỉ tiêu cuối năm học:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Lớp 1** | | | **Lớp 2** | | | **Lớp 3** | | | **Lớp 4** | | | **Lớp 5** | |
| **1** | **Đánh giá Kết quả cuối năm** | **SL** | **TL %** | **SL** | | **TL %** | **SL** | | **TL %** | **SL** | | **TL %** | **SL** | | **TL %** |
| **163** | **145** | | **179** | | **176** | | **150** | |
| 1.1 | Hoàn thành xuất sắc | 61 | 37,4 | 55 | | 37.9 | 67 | | 37,4 | 67 | | 38.0 | 57 | | 38.0 |
| 1.2 | Hoàn thành tốt | 54 | 33.0 | 46 | | 31,7 | 55 | | 30.7 | 52 | | 30.0 | 44 | | 29.0 |
| 1.3 | Hoàn thành | 45 | 27,8 | 47 | | 30.4 | 57 | | 31,9 | 57 | | 32.0 | 49 | | 35,0 |
| 1.4 | Chưa hoàn thành | 3 | 1,,8 |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |
| **2** | **Danh hiệu khen thưởng** |  |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |
| 2.1 | Học sinh ***Xuất sắc*** | 61 | 37,4 | 55 | | 37.9 | 67 | | 37,4 | 67 | | 38.0 | 57 | | 38.0 |
| 2.2 | Học sinh ***Tiêu biểu*** hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện. | 54 | 33.0 | 46 | | 31,7 | 55 | | 30.7 | 52 | | 30.0 | 44 | | 29.0 |
| 2.3 | Khen cấp huyện | 32 | 19.6 | 36 | | 25 | 26 | | 14,5 | 26 | | 16,5 | 30 | | 18.0 |
| 2.4 | Cấp tỉnh | 16 | 9,8 | 20 | | 14,5 | 20 | | 11,1 | 21 | | 11,5 | 30 | | 18.0 |
| ***3*** | ***Hoàn thành CT lớp học*** | **160** | 98,2 | **145** | | 100.0 | **179** | | 100.0 | **176** | | 100.0 | **150** | | 100.0 |
| 3.1 | Hoàn thành | **160** | 98,2 | **145** | | 100.0 | **179** | | 100.0 | **176** | | 100.0 | **150** | | 100.0 |
| 3.2 | Chưa hoàn thành | 3 | 0,8 |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |

***\* Học sinh giỏi các cấp:***

*+ HSG huyện*: 8 em (Câu lạc bộ văn, toán tuổi thơ; Tin học trẻ. Trong đó có giải nhất knhì cá nhân và giải đồng đội.)

*+ HSG tỉnh*: 5 - 6 em (Câu lạc bộ văn, toán tuổi thơ: 1-2 em; Tin học trẻ; Englich chaleege: 1 em; Võ cỗ truyền: 2 em, đại sứ văn hóa đọc: 1 - 2 sản phẩm);

*+ HSG cấp Quốc gia*: 1 em

\*Các sân chơ trên mạng: IOE; Trạng nguyên TV; đấu trường Toán học và một số sân chơi khác.

*Cấp huyện***:** 1348 em( Khối 1: 32 em; Khối 2: 36 em; Khối 3: 26 em; Khối 4: 26 em; Khối 5: 34 em;

*Cấp tỉnh***:** 108em ( Khối 1: 16 em; Khối 2: 20 em; Khối 3: 21 em; Khối 4: 20 em; Khối 5: 30 em;

*Cấp Quốc gia***:** 26 em ( Khối 3: 3 em; Khối 4: 7 em; Khối 5: 16 em).

- Có học sinh tham gia và đạt kết quả cao trong các cuộc thi trên báo nhi đồng, báo chăm học và các sân chơi trí tuệ như: sân chơi Tiếng Anh, Trạng nguyên nhỏ tuổi, Trạng Nguyên nhí…

***2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên :***

- Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GVPT theo TT 20TT-BGD&ĐT: Tốt: 40 - 60% người; còn lại đạt khá.

- Xếp loại chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, P. hiệu trưởng Tốt : 02.

- Xếp loại công chức, viên chức theo NĐ 90/2021/ NĐCP, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: GV: 20%, NV: 01 người; CBQL: 01 người. Xếp loại HTTNV: GV: 80 %; NV: 2 người; CBQL: 1 người.

- GVCNG cấp trường: 15 người.

- GVG cấp huyện : 02 người

- SKKN cấp cơ sở : 04 SK

- Danh hiệu thi đua:

+ Đạt danh hiệu lao động tiến tiến: 100% ,

+ CSTĐCS: 8 - 10 người;

+ CT.UBND huyện khen: 1 người

***2.4.Mua sắm bổ sung cơ sở vật chất:***

Dự kiến mua sắm và tu bổ CSVC, trang thiết bị dạy học :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Số tiền** | **Nguồn kinh phí** |
| 1 | Bổ sung bàn ghế HS (40 bộ).  thay thế cửa sổ phòng học các lớp | 40 bộ  03 bộ | 50.000.000 đ | Tài trợ GD |
| 2 | Thay bảng dạy phòng học.  Bổ sung tủ phòng học | 03 cái  02 cái | 30.000.000 đ | Tài trợ GD |
| 3 | Mua CPU dạy học tại lớp | 22 bộ | 132.000.000 đ | Tài trợ GD |
| 4 | Tu sửa, bổ sung thiết bị điện, các phòng học, phòng tin học  Tu sửa, bổ sung mạng Internet các phòng học, phòng tin học. | phòng học và phòng làm việc | 40.000.000 đ | Tài trợ GD |
| 5 | Đồ dùng, Thiết bị dạy học |  | 30.000.000 đ | Ngân sách NN cấp |
| 6 | Tu sửa, làm thên nhà để xe HS | 01 nhà | 60.000.000 đ | Phí trông giữ xe đạp |
| **Tổng dự kiến** | |  | 342.000.000 đ |  |

**2.5. Các phong trào, hoạt động giáo dục khác:**

- Phổ cập giáo dục: Duy trì phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3.

***-***Thư viện – Thiết bị: Đạt chuẩn. Có đầy đủ đồ dùng dạy học tối thiểu.

- Các cuộc thi, giao lưu và các sân chơi:Tham gia đầy đủ có chất lượng các cuộc thi, giao lưu và các sân chơi do ngành và đơn vị phối hợp tổ chức**.**

- Các cuộc vận động và phong trào thi đua: đạt xuất sắc

- KĐCL và xây dựng trường chuẩn quốc gia: Giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 2; KĐCLGD cấp độ 3.

**IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

1. **Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục năm học :**

*1.1.*Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục/ Tuần

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn học, hoạt động giáo dục** | **Lớp 1** | | **Lớp 2** | | **Lớp 3** | | **Lớp 4** | | **Lớp 5** | |
| Chính khóa | Tăng thời lượng | Chính khóa | Tăng thời lượng | Chính khóa | Tăng thời lượng | Chính khóa | Tăng thời lượng | Chính khóa | Tăng thời lượng |
| Tiếng Việt | 12 | 1 | 10 | 1 | 7 |  | 7 |  | 7 |  |
| Toán | 3 | 1 | 5 | 1 | 5 | 1 | 5 |  | 5 |  |
| Đạo đức | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| TN&XH | 2 |  | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  |
| Khoa học |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| L.sử-Đ. lý |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| Mỹ thuật | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| Âm nhạc | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| Công nghệ |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| GDTC | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  | 2 |  |
| Tin học |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  |
| Ngoại ngữ |  | 2 |  | 2 | 4 |  | 4 |  | 4 |  |
| HĐTN/GDTT | 3 |  | 3 |  | 3 |  | 3 |  | 3 |  |
| KNS |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |  | 1 |
| Tăng cường TA |  | **2** |  | **2** |  | **2** |  | **2** |  | **2** |
| Tổng tiết/ tuần  (khung tối đa) | 25 | 7 | 25 | 7 | 28 | 4 | 30 | 3 | 30 | 3 |
| **Chương trình giáo dục(tiết/ tuần)** | **32 tiết/ tuần** | | **32 tiết/ tuần** | | **32 tiết/ tuần** | | **33 tiết/ tuần** | | **33 tiết/ tuần** | |

2.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục/ năm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **HĐ**  **GD** | **Số tiết lớp 1** | | | | **Số tiết lớp 2** | | | | **Số tiết lớp 3** | | | | | **Số tiết lớp 4** | | | **Số tiết lớp 5** | | | |
| **Tổng** | | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | **HK2** | | **Tổng** | | **HK1** | **HK2** | | **Tổng** | **HK1** | **HK2** | **Tổng** | **HK1** | **HK2** |
| **Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc:** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TViệt | **420** | 216 | | 204 | **350** | 180 | | 170 | | **245** | 126 | 119 | **245** | | 126 | 119 | **245** | 126 | 119 |
| 2 | Toán | **105** | 54 | | 51 | **175** | 90 | | 85 | | **175** | 90 | 85 | **175** | | 90 | 85 | **175** | 90 | 85 |
| 3 | TNXH | **70** | 36 | | 34 | **70** | 36 | | 34 | | **70** | 36 | 34 |  | |  |  |  |  |  |
| 4 | Khoa học |  |  | |  |  |  | |  | |  |  |  | **70** | | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 |
| 5 | LS&  ĐL |  |  | |  |  |  | |  | |  |  |  | **70** | | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 |
| 6 | Đạo đức | **35** | 18 | | 17 | **35** | 18 | | 17 | | **35** | 18 | 17 | **35** | | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 |  | |
| 7 | Âm nhạc | **35** | 18 | | 17 | **35** | 18 | | 17 | | **35** | 18 | 17 | **35** | | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 |  | |
| 8 | Mỹ thuật | **35** | 18 | | 17 | **35** | 18 | | 17 | | **35** | 18 | 17 | **35** | | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 |  | |
| 9 | TH, CN |  |  | |  |  |  | |  | | **70** | 36 | 34 | **70** | | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 |  | |
| 10 | T.Anh |  |  | |  |  |  | |  | | **140** | 72 | 68 | **140** | | 72 | 68 | **140** | 72 | 68 |
| 11 | GDTC | **70** | 36 | | 34 | **70** | 36 | | 34 | | **70** | 36 | 34 | **70** | | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 |
| 12 | HĐTN | **105** | 54 | | 51 | **105** | 54 | | 51 | | **105** | 54 | 51 | **105** | | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 |
| **Môn tự chọn** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | T. Anh | **70** | 36 | | 34 | **70** | 36 | | 34 | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| 14 | Tin học |  |  | |  |  |  | |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| **Hoạt động củng cố, tăng cường** *(Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | HĐCC | **70** | 36 | | 34 | **70** | 36 | | 34 | | **35** | 18 | 17 |  | |  |  |  |  |  |
| 16 | TATC | **70** | 36 | | 34 | **70** | 36 | | 34 | | **70** | 36 | 34 | **70** | | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 |
| 17 | KNS | **35** | 18 | | 17 | **35** | 18 | | 17 | | **35** | 18 | 17 | **35** | | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 |
| Tổng số tiết | | **1120** | 576 | | 544 | **1120** | 576 | | 544 | | **1120** | 576 | 544 | **1155** | | 594 | 561 | **1155** | 594 | 561 |
| ***Số tiết/tuần*** | | ***32*** | ***32*** | | ***32*** | ***32*** | ***32*** | | ***32*** | | ***32*** | ***32*** | ***32*** | ***33*** | | ***33*** | ***33*** | ***33*** | ***33*** | ***33*** |

**2.** **Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học.**

***2.1.Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện** | | **Người thực hiện** | **Lực lượng tham gia** |
| **THÁNG 9** | **Chào năm học mới** | Tổ chức ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường | Toàn trường | 5/9 | | HT - TPT - GVCN | CBGV- HS |
| Tìm hiểu nội quy nhà trường. | Toàn trường | 9/9 | | TPT , GVCN | CBGV- HS |
| HĐTN: Vui trung thu, trang trí mâm ngũ quả. | Toàn trường | 16/9 | | Toàn trường. | CBGV- HS |
| Tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng” với chủ đề : “Học sinh với văn hóa giao thông”. | K 3,4,5 | 30/9 | | TPT | CBGV - HS |
| **THÁNG 10** | **Chủ đề Em biết yêu thương** | Phát động tuần lễ học tập suốt đời.  Kể chuyện K5 | Toàn trường | 7/10 | | HT-TPT | CBGV- HS. |
| Thi văn nghệ Khối 4: Chủ điểm mẹ và cô | Toàn trường | 14/10 | | K4 | CBGV- HS |
| HĐTN: Gửi lời yêu thương. Làm thiệp chúc mừng. | Toàn trường | 18/10 | | Toàn  trường. | CBGV- HS |
| HĐTN: Phòng chống Xâm hại trẻ em – Tai nạn thương tích | Toàn trường | 28/10 | | 4D | CBGV- HS |
| **THÁNG 11** | **Tôn sư trọng đạo** | Tìm hiểu truyền thống trường em.  Kể chuyện: K2 | Toàn trường | 4/11 | | TPT  – K2 | CBGV- HS |
| HĐTN- SHLĐ: Vệ sinh học đường. | Toàn trường | 11/11 | | K3 | CBGV- HS |
| Thi văn nghệ chào mừng NGVN 20/11.( mỗi khối 1 tiết mục)  Thi múa hát Sân trường. | Toàn trường | 18/11 | | Toàn trường. | CBGV- HS HS – BĐ DCMHS |
| **THÁNG 12** | **Uống nước nhớ nguồn** | Kể chuyện khối 4 | Toàn trường | 2/12 | | K4 | CBGV- HS |
| HĐTN: Tái hiện lịch sử. Ngã Ba Đồng Lộc |  | 9/12 | | 4C |  |
| Thi vẽ tranh về bộ đội cụ Hồ. | Toàn trường | 16/12 | | HS | CBGV- HS |
| Viếng nghĩa trang liệt sỹ.  Giao lưu với hội CCB và TNXP. | Toàn trường | 21/12 | | K4;5  HS | CBGV- HS –BĐ DCMHS- HCCB xã |
| HĐTN- SHLĐ: Bảo vệ quyền trẻ em. | Toàn trường | 30/12 | | 5A- 5C | CBGV- HS - |
| **THÁNG 1** | **Em quý trọng bản thân** | HĐTN- SHLĐ: An toàn cho em | Toàn trường | 6/1/2025 | | 4A | CBGV- HS |
| Kể chuyện K3 | Toàn trường | 13/1 | | K3 | CBGV- HS |
| Tổ chức phát động “Tết vì bạn nghèo”  Thi Văn nghệ K3: Mừng Xuân | Toàn trường | 20/1 | | Tất cả các lớp.  K3 | CBGV- HS |
| **THÁNG 2** | **Vui đón mùa xuân** | SHLĐ: Em là mầm non của Đảng | Toàn trường | 10/2 | | K1 | CBGV- HS |
| SHLĐ: Chào đón mùa xuân. | Toàn trường | 17/2 | K2 | | CBGV- HS |
| Giao lưu toán, văn tuổi thơ lớp 5 | K5 | 24/2 | K5 | | BGH- TPT- GV và HS K5 |
| **THÁNG 3** | **Tiến bước lên đoàn** | HĐTN: “Giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp”. | Toàn trường | 3/3 | | 4B | CBGV- HS |
| Phát động phong trào em làm kế hoạch nhỏ.  Kể chuyện khối 1 | Toàn trường | 10/3 | | HS  K1 | CBGV- HS |
| Thi Văn nghệ K5: Tiến bước lên đoàn | Toàn trường | 17/3 | | K5 | CBGV- HS |
| Trải nghiệm: Ngày hội thiếu nhi vui khỏe.  Thi dẫn chương trình | Toàn trường | 24/3 | | TPT- HS  HS | CBGV- HS- HĐĐ XÃ. |
| **THÁNG 4** | **Hòa bình và Hữu Nghị.** | HĐTN- SHLĐ: Phòng tránh tai nạn đuối nước. | Toàn trường | 14/4 | | 4E | CBGV- HS |
| Tổ chức ngày hội đọc sách | Toàn trường | 18 -21/4 | | TPT- TV – GV | CBGV- HS |
| Giao lưu văn, toán tuổi thơ cấp trường lớp 3; 4.  Rung chuông vàng K1;2;3. | K1-4 | 23-25/4 | | K1 -4 | BGH- TPTĐ- GV và HS. |
| SHLĐ: Uống nước nhớ nguồn:Tái hiện lịch sử. | Toàn trường | 28/4 | | 5D | CBGV- HS |
| **THÁNG 5** | **Nhớ ơn Đảng - Bác** | HĐTN- SHLĐ: Mùa hè an toàn. | Toàn trường | 5/5 | | 5B | CBGV- HS |
| Rung Chuông Vàng tìm hiểu về truyền thống đội | Toàn trường | 12/5 | | K3;4;5 | CBGV- HS |

***2.2.Tổ chức các câu lạc bộ, các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính khoá theo nhu cầu người học:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Hoạt động** | **Đối tượng/quy mô** | **Thời gian** | **Địa điểm** |
| 1 | Câu lạc bộ võ cổ truyền | Câu lạc bộ | Học sinh có nhu cầu | Sau giờ học chiều: | Trường TH  D Thọ. |
| 2 | Câu lạc bộ Văn Toán Tuổi thơ | Câu lạc bộ | HS Lớp 3;4;5 (có nhu cầu) | Chiều thứ 4, chiều th 6. | Trường TH  D Thọ. |
| 3 | Tiếng Anh tăng cường | Theo nhu cầu người học | HS Lớp 1- 5 (có nhu cầu). | Lồng ghép các buổi học. | Trường TH  D Thọ. |
| 4 | GDKNS | Theo nhu cầu người học | HS Lớp 1- 5 (có nhu cầu) | Lồng ghép các buổi học. | Trường TH  D Thọ. |

***3.2. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường cho học sinh.***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đối tượng/quy mô** | **Thời gian** | **Hình Thức** | **Kinh phí** |
| 1 | Tổ chức đến địa chỉ đỏ: Nhà thờ Cao Lỗ, Nghĩa trang liệt sĩ xã cho khối 1,2,3. | HS Khối 1,2,3 | Tháng | BGH – TPT- GVCN các khối 1,2,3. Ban đại diện CMHS |  |
| 3 | Tham quan di tích LS trong tỉnh. | Học sinh khối 3, 4;5 | Tháng 12/2024 | Tự nguyện.  Phối hợp GV, CMHS | XHH từ PH và mạnh thường quân. |

**3.Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục:**

***3.1****.* **Koạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục (** *Có phụ lục 1.4 kèm theo).*

3.2*.* Lồng ghép chương trình GDĐP vào kế hoạch dạy học các môn học Cụ thể:

**Khối 1:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỦ ĐỀ** | **TÍCH HỢP VÀO MÔN, BÀI** | **TUẦN** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Cảnh quan quê hương em | HĐTN: Chủ đề 8: quê hương tươi đẹp. | 29;31 |  |
| 2 | Nghề truyền thống ở quê hương em. | TNXHÔn tập Chủ đề Con người và sức khỏe | 30 |  |
| 3 | Gia đình và dòng họ | TNXH: Vui đón tết | 14 |  |
| 4 | Trò chơi dân gian ở quê hương em | HĐTN: HOạt động xây dựng cộng đồng (Sinh hoạt cuối tuần.) | 25 |  |
| 6 | Phong tục đón tết Nguyên đán ở quê hương em | HĐTN:Chủ đề 6: Vui đón mùa xuân | 21 |  |
| 8 | Bảo vệ môi trường nơi em sống | HĐTN: Chủ đề 9 : Em bảo vệ môi trường | 33;34 |  |
| 9 | Đồng giao xứ nghệ | Âm nhạc ( HS đọc bài đồng giao) | 21 |  |

**\*Khối 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỦ ĐỀ** | **TÍCH HỢP VÀO MÔN, BÀI** | **DẠY TIẾT,**  **NGÀY,TUẦN** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Chủ đề 1: Di tích lich sử ở nghệ An. | Môn Tiếng Việt  Bài 30 Quê hương của em. | Tuần 30 | Lồng ghép, tích hợp vào từng bài. |
| Bài 31: Quê hương của em. | Tuần 31 |
| 2 | Chủ đề 2: Trò chơi dân gian ở quê hương em. | HĐNGLL | Tháng 3/2024 | Tổ chức thi trò chơi dân gian. |
| 3 | Chủ đề 3: Ca dao ở Nghệ An. | Âm nhạc: | Tuần 18: | Dạy vào tiết ôn tập HK I. |
| 4 | Chủ đề 4: Tết trung thu ở quê hương em. | HĐTN: Bài 5: Vui trug thu. | 5 | -Sinh hoạt toàn trường. |
| 5 | Chủ đề 5: Danh lam thắng cảnh ở Nghệ An. | HĐTN: Bài 28: Cảnh đẹp quê em.  Bài 29: Bảo vệ cảnh quan quê em: | Tuần 28:  Tiết 1: ND: 1;2.  Tiết 2: ND3  Tuần 29 |  |
| 6 | Chủ đề 6: Một số ngành nghề tiêu biểu ở Nghệ An. | TNXH :Bài: Nghề nhiệp của người lớn trong gia đình. | Tuần 30 |  |
| 7 | Chủ đề 7; Hoạt động tình nguyện ở Nghệ An. | HĐTN: Chia sẻ cộng đồng.  Bài 26: Tôi luôn bên bạn | T1 ( ND1)  T2: ND2  T3: ND3 |  |
| 8 | Chủ đề 8: Bảo vệ môi trường nơi công cộng. | Bài 29: Bảo vệ cảnh quan quê em  HĐTN: Bài 30: Giữ gìn vệ sinh môi trường. | Tuần 29. ND 1;2 |  |

**\* Khối 3***:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề GDĐP** | **Môn tích hợp** | **Tuần dạy** | **Ghi chú** |
| 1 | Chủ đề 1: Nhạc cụ dân tộc ở Nghệ An | - Âm nhạc; Chủ đề 1: Lễ hội âm thanh | 7 | -Lồng ghép từng phần trong các tiết học |
| 2 | Chủ đề 2: Nhà ở truyền thống của các dân tộc ở Nghệ An. | - TNXH: Ôn tập | 34 | -Lồng ghép toàn phần |
| 3 | Chủ đề 3: Món ăn đặc trưng của Nghệ An | - HĐTN: Bài 22: Ăn uống lành mạnh | 22 | -Lồng ghép từng phần trong các tiết học |
| 4 | Chủ đề 4: Nhân vật anh hùng ở Nghệ An | TV: Bài 16: Bảo vệ tổ quốc | 28 | -Lồng ghép từng phần trong các tiết học |
| 5 | Chủ đề 5: Thiên nhiên quê hương em | - HĐTN Bài 28: Cảnh đẹp quê em | 28 | Lồng ghép từng phần |
| 6 | Chủ đề 6: Một số sản phẩm ở quê hương em | - TNXH:Bài 9: Hoạt động sản xuất nông nghiệp Bài 10 : Hoạt động sản xuất thủ công và công nghiệp | 22 | - Lồng ghép từng phần |
| 7 | Chủ đề 7: Tết vì người nghèo ở quê hương em | - HĐTN Bài 26 : Tôi luôn bên bạn. | 26 | - Lồng ghép từng phần. |
| 8 | Chủ đề 8: Bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư tập trung và vùng nông thôn | -HĐTN: Bài 30 : Giữ gìn vệ sinh môi trường | 30 | - Lồng ghép từng phần |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Môn lồng ghép** | **Tuần** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiếng Nghệ |  |  |  |
| 2 | Lịch sử và văn hoá truyền thống Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý: Bài 3, | Tuần 3,Tiết 1 |  |
| 3 | Văn nghệ sĩ ở Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý: Bài 3, | Tuần 3,Tiết 1 - 2 |  |
| 4 | Một số sự kiện lịch sử tiêu biểu ở Nghệ An |  |  |  |
| 5 | Thiên nhiên và hoạt động kinh tế ở Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý: Bài 2 - | ,Tuần 2. Tiết 1 - 2 |  |
| 6 | Làng nghề truyền thống ở Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý: Bài 16 - ,  HĐTN : | Tuần 20 , Tiết 2-3,  Tuần 32 – Tiết 2 |  |
| 7 | Hoạt động đền ơn đáp nghĩa ở Nghệ An | HĐTN : | Tuần 26 – Tiết 2 |  |
| 8 | Bảo vệ động vật hoang dã ở Nghệ An | Khoa học. Bài 16 | Tuần 16 |  |
|  |  |  |  |  |

***\*Khối 4:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Môn lồng ghép** | **Tiết** | **Ghi chú** |
| 1 | Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh | Âm nhạc; Bài 2 | 8 |  |
| 2 | Lễ hội truyền thống ở Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý: Bài 4 | 11 |  |
| 3 | Nghi lễ phổ biến, đặc trưng của các dân tộc ở Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý:  Bài 1; 17 | 2; 45 |  |
| 4 | Danh nhân văn hoá ở Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý: Bài 4 | 11 |  |
| 5 | Con người quê hương em | Lịch sử - Địa Lý: Bài 2 - | 6 |  |
| 6 | Hoạt động du lịch ở Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý: Bài 26. | 64 |  |
| 7 | Hoạt động từ thiện ở Nghệ An | Lịch sử - Địa Lý: Bài 26. | 64 |  |
| 8 | Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ | Lịch sử - Địa Lý: Bài 3 | 4 |  |

3.3. Lồng ghép chương trình giáo dục STEM vào kế hoạch dạy học các môn học cụ thể như sau***:***

***Khối 1 gồm 5 bài***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài học Stem** | **Địa chỉ tích hợp** | | | **Ghi chú** |
| **Môn** | **Bài** | **Tuần** |
| 1 | Dụng cụ tính cộng, tính trừ( tiết 1,2 | Toán | Bài 12: Bảng cộng, bảng trừ trong phạm vi 10 | 12 | Thay thế |
| 2 | Trải nghiệm cùng khay 10 | Toán | Bài 2: Các số 6, 7, 8, 9, 10 (Tiết 2,3) | 2 | Thay thế |
| 3 | Dụng cụ so sánh số trong phạm vi 10 | Toán | Bài 4: So sánh số (Tiết 2, 3) | 4 | Thay thế |
| 4 | Triển lãm sản phẩm STEM cuối học kì 1 | Mĩ thuật | Đánh giá cuối kì I) | 17 | Thay thế |
| 5 | Triển lãm sản phẩm STEM cuối năm | Mĩ thuật | Đánh giá cuối năm | 34;35 | Thay thế |

***Khối 2 gồm 5 bài***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài học Stem** | **Địa chỉ tích hợp** | | | **Ghi chú** |
| **Môn** | **Bài** | **Tuần** |
| 1 | Tia số của em | Toán | Tia số. Số liền trước, Số liền sau | 1 | Thay thế |
| 2 | Lịch để bàn tiện ích (2 tiết | TNXH | Ngày - tháng | 16 | Thay thế |
| 3 | sống của động vật, tha | TNXH | Động vật sống ở đâu. | 18 | Thay thế |
| 4 | quan vận động, thay | TNXH | Tìm hiểu cơ quan vận động. | 23;24 | Thay thế |
| 5 | Các mùa trong năm ở Việt Nam | TNXH | Các mùa trong năm. | 31 | Thay thế |

***Khối 3 gồm 5 bài :***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài học Stem** | **Địa chỉ tích hợp** | | | **Ghi chú** |
| **Môn** | **Bài** | **Tuần** |
| 1 | Trải nghiệm cùng một phần mấy | Toán  (TH MT) | Một phần mấy | 1 | Thay thế |
| 2 | Cẩm nang sử dụng máy thu hình (ti vi) - M | Tin học | Sử dụng máy thu hình  (T3). | 13 | Thay thế |
| 3 | Các bộ phận của thực vật | TNXH | Một số bộ phận của thực vật | 15;16 | Thay thế |
| 4 | Thực hành với tệp và thư mục trong máy tính thay | Tin học | Thực hành với tệp và thư mục trong máy tính | 16 | Thay thế |
| 5 | Sáng tạo đồ dùng học tập | Công nghệ (T+ MT) | Làm đồ dùng học tập | 17 | Thay thế |

***Khối 4 gồm 5 bài :***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài học Stem** | **Địa chỉ tích hợp** | | | **Ghi chú** |
| **Môn** | **Bài** | **Tuần** |
| 1 | Thế kỉ (Tiêt1 | Toán  (MT) | Giây, thế kỉ | 10 | Thay thế |
| 2 | Âm thanh trong cuộc sống (Tiết 1) | Khoa học | Âm thanh trong cuộc sống (Tiết 1) | 11 | Thay thế |
| 3 | Chương trình của em | Tin học ( MT) | Chương trình của em | 16 | Thay thế |
| 4 | Chậu hoa, cây cảnh mini | Công nghệ | Trồng hoa | 14; 15 | Thay thế |
| 5 | Làm chong chóng | Công nghệ( T+ MT) | Đồ chơi dân gian | 20;30 | Thay thế |

***.Khối 5 gồm 5 bài :***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Bài học Stem** | **Địa chỉ tích hợp** | | | **Ghi chú** |
| **Môn** | **Bài** | **Tuần** |
| 1 | Lọc nước sạch | Khoa học | Hỗn hợp và dung dịch | 3;4 | Thay thế |
| 2 | Làm đèn trung thu | Khoa học( MT) | Mạch điện đơn giản, Vật dẫn điện và vật cách điện (tiết 1,2) | 9 | Thay thế |
| 3 | Ngôi nhà thân thương | Toán | Thực hành và trải nghiệm đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình (Tiết | 14 | Thay thế |
| 4 | Thiệp điện tử | Tin học | Sử dụng phần mềm đồ hoạ tạo sản phẩm số | 33 | Thay thế |
| 5 | Trưng bày sản phẩm | Mĩ thuật | Trưng bày sản phẩm cuối năm | 35 | Thay thế |

4.3.Lồng ghép nội dung giáo dục lịch sử Việt - Lào vào các môn học cụ thể như sau:

**\*Khối 4:**

***1: Lịch sử- địa lí***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài học trong chương trình** | **Tuần** | **Tiết** | **Nội dung tích hợp** |
| Địa phương em (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) | 2 | 1 | - Xác định được những nơi tiếp giáp với Lào.  - Kể tên được một số cửa khẩu của  địa phương giáp với Lào . |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 1 | 1 | - Xác định được trên bản đồ những  nơi ở vùng trung du và miền núi Bắc  Bộ tiếp giáp với Lào.  - Xác định được một số dãy núi,  cao nguyên ở vùng trung du và miền  núi Bắc Bộ tiếp giáp với Lào. |
| Duyên hải miền Trung | 17 | 1;2 | - Xác định được những nơi ở vùng duyên hải miền Trung tiếp giáp với Lào.  - Xác định được một số dãy núi, sông chảy qua Việt Nam và Lào. |
| Tây Nguyên | 24  . | 1;2 | XĐ trên bản đồ những nơi ở vùng Tây  Nguyên tiếp giáp với Lào.  - Xác định được một số cao nguyên ở vùng Tây Nguyên tiếp giáp với Lào. |

**2.Đạo đức.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài học trong chương trình** | **Tuần** | **Tiết** | **Nội dung tích hợp** |
| Cảm thông, giúp đỡ người  gặp khó khăn | 5 | 5 | - Nêu được một số  hoạt động nhân dân  Việt Nam giúp đỡ  nhân dân Lào. |

**3.Hoạt động trải nghiệm.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên bài học trong chương trình** | **Tuần** | **Tiết** | **Nội dung tích hợp** |
| Hoạt động xây dựng cộng đồng | 26 | 2 | -Giáo dục truyền thống đoàn kết các dân tộc  - Nhận biết được những nét văn hóa ặc sắc trong truyền thống của nước bạn Lào và  mối quan hệ gắn bó Việt Nam – Lào, Lào – Việt Nam, qua đó góp phần tạo dựng sự  hiểu biết giữa hai dân tộc;  - Hình thành ý thức tôn trọng đa văn hóa; |

**\*Khối 5:**

**1.Môn Tiếng Việt:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | **Nội dung tích hợp** | **Ghi chú** |
| **Tên bài** | **Tên bài học** | **Tiết** |
| 12 | Bài 7: Chung sức chung lòng | Cùng nhau đoàn kết | 81 | Liên hệ được tình đoàn kết giữa dân tộc Việt Nam với Lào |  |
| 16 | Bài 9: Vì cuộc sống bình yên | Vì cuộc sống yên bình | 109 | Mở rộng quan hệ Việt - Lào |  |

**2. Môn Đạo đức**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | **Nội dung tích hợp** | **Ghi chú** |
| **Tên bài** | **Tên bài học** | **Tiết** |
| 6 | **Chủ đề 2. Tôn trọng sự khác biệt của người khác** | Bài 2. Tôn trọng sự khác biệt của người khác. (Tiết 2) | 1 6 | Tình đoàn kết giữa dân tộc Việt Nam với Lào |  |

**3. Môn HĐTN:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | **Nội dung tích hợp** | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/ Mạch ND** | **Tên bài học** | **Tiết PPCT** |
| 7 | **Giữ gìn tình bạn** | Giữ gìn tình bạn | 20 | Lồng ghép Việt Lào liên hệ được tình bạn giữa dân tộc Việt Nam với Lào |  |

**4. Môn Lịch sử và Địa lí:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Chương trình và sách giáo khoa** | | | **Nội dung tích hợp** | **Ghi chú** |
| **Chủ đề/ Mạch ND** | **Tên bài học** | **Tiết PPCT** |
| 1 | **Chủ đề 1.**  **Đất nước và con người Việt Nam** | Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca (Tiết 1) | 1 | Giới thiệu Lào núi và cao nguyên phần lớn… |  |
| Bài 1: Vị trí địa lí, lãnh thổ, đơn vị hành chính, Quốc kì, Quốc huy, Quốc ca (Tiết 2) | 2 | HS xem hình ảnh Quốc kì Lào |  |
| 2 | Bài 2: Thiên nhiên Việt Nam (Tiết 1) | 3 | Khí hậu Lào nhiệt đới, với đặc trưng mùa mưa mùa khô.. |  |
| 5 | Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam(Tiết 1) | 9 | Cho biết Lào gồm 49 dân tộc …với hơn160 nhóm dân tộc |  |
| 6 | Bài 4: Dân cư và dân tộc ở Việt Nam(Tiết 4) | 12 | Liên hệ được tình đoàn kết giữa dân tộc Việt Nam với Lào. |  |
| 9 | **Chủ đề 2.**  **Những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam** | Bài 7: Vương quốc Chăm-pa (Tiết 1) | 17 | Cho học sinh xem 1 số hình ảnh nước Lào. |  |
| 21 | **Chủ đề 3.**  **Xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam** | Bài 15: Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 (Tiết 1) | 41 | Một số câu chuyện thể hiện sự đoàn kết, gắn bó trong cuộc kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là thắng lợicủa chiến dịch Điện Biên Phủ giữa quân đội và nhân dân hai nước Lào,Việt Nam. |  |
| 25 | **Chủ đề 4.**  **Các nước láng giềng** | Bài 19: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Tiết 1) | 49 | Xác định đượctrên bản đồ hoặc lược đồ nơi Lào Tiếp giáp với Việt Nam |  |
|  | Bài 19: Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (Tiết 2) | 50 | Liên hệ được tình đoàn kết giữa nhân dân Lào với nhân dân VN |  |

**V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Truyền thông về giáo dục**

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại địa phương, chủ động tham mưu, đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo, đặc biệt là việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đối với lớp 5, năm học 2024-2025. Truyền thông về công tác xã hội hóa giáo dục, tài trợ giáo dục, tổ chức các hoạt động từ thiện nhân đạo, tăng cường ngoại ngữ, hoạt động trải nghiệm….

- Xây dựng kế hoạch truyền thông về chuyển đổi số, đổi mới chương trình, sách giáo khoa, truyền thông đối với cha mẹ học sinh trong việc phối hợp thực hiện giáo dục học sinh,… Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành.

- Tổ chức truyền thông, định hướng truyền thông và thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục và đào tạo; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành; tổ chức tập huấn công tác truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

- Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục viết bài và đưa tin các hoạt động của ngành về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học,… để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

**2. Phát triển đội ngũ.**

2.1.Bồi dưỡng đào tạo đội ngũ nhà giáo, CBQL.

-Sắp xếp, bố trí GV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chương trình, sách giáo khoa do Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức để dạy học lớp 1 đến lớp 5;

-Xây dựng kế hoạch tập huấn bồi dưỡng đội ngũ GV, CBQL thực hiện Chương GDPT 2018 theo lộ trình và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

-Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng có hiệu quả cho 100% đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Làm tốt công tác tư vấn trực tiếp cho giáo viên qua thăm lớp dự giờ nhất là giáo viên lớp 1,2, 3,4; 5 đặc biệt là giáo viên lớp; 5 và giáo viên THCS dạy tại trường.

- Thành lập tổ cốt cán chuyên môn tăng cường dự giờ thăm lớp để hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho giáo viên trong quá trình thực hiện CT, SGK đối với các lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5.

-Tổ chức hội thảo về thực hiện CT, SGK đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4. Lớp 5; lựa chọn đội ngũ cốt cán đảm bảo về số lượng và chất lượng để tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng CTGDPT 2018, ưu tiên cho giáo viên khối lớp 5

-Tổ chức cho giáo viên nghiên cứu tài liệu, CT, SGK xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018.

- Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn thông qua qua sinh hoạt chuyên môn trường, cụm trường, trong sinh hoạt tổ CM cần tập trung nhiều cho công tác trao đổi, thảo luận về chuyên môn, về đổi mới trong dạy học và hoạt động giáo dục;giải quyết vướng mắc trong quá trình dạy học….

-Thực hiện nghiêm túc Chương trình bồi dưỡng thường xuyên phù hợp với nhu cầu phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của mỗi giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, khai thác và sử dụng sách mềm, học liệu điện tử phù hợp và hiệu quả.

***\*Một số nội dung bồi dưỡng trong năm học như sau:***

*Nội dung 1; 2: (Thời lượng 80 tiết).*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung bồi dưỡng** | **Mục tiêu bồi dưỡng** | **Hình thức** | **Thời lượng BD** | **Thời gian BD** | **Báo cáo viên** |
| -Triển khai nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 | Nắm được nhiệm vụ năm học để thực hiện | Tập trung | 4 tiết | 8/2024 | Hiệu trưởng |
| Bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa các môn học/hoạt động giáo dục lớp 5 đã được cơ sở giáo dục lựa chọn. | Nắm được nội dung, CT SGK và PP dạy học lớp 5 theo TGDPT2018 để ứng dụng trong dạy học. | Tập trung | 30 tiết | Tháng 8/2024 | PHT-TTCM |
| Lồng ghép GDQPAN trong dạy học | Biết xây dựng và tổ chức dạy học quả hơn | Tập trung | 8 tiết | Tháng 9/2024 | Cô Kỷ |
| Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn thực hiện CTGDPT | Biết và tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn đạt hiệu quả hơn | Tự học và NC tài liệu | 10 tiết | Tháng 10/2024 |  |
| Bồi dưỡng sử dụng tài liệu dạy học giáo dục địa phương vào các môn học. | Biết cách xây dựng kế hoạch và dạy học lồng ghép chương trình GD địa phương vào các môn học đạt hiệu quả. | Tập trung | 10 tiết | Tháng 10/2024 | PHT |
| Công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong công tác giáo dục. | Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong công tác giáo dục | Tập trung | 8 tiết | Tháng 11/2024 | Cô Tố |
| Bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và số hóa hồ sơ. | Biết sử dung các phần mềm dạy học, biết sử dụng học bạ điện tử, học bạ số, | Tập trung | 10 tiết | Tháng 12/2024 | GV tin |

**- Nội dung 3: Bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục của giáo viên (thời lượng 40 tiết). Hoàn thành trước tháng 20/4/2025.**

**\*Đối với CBQL:**

MĐ 10: Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.

MĐ 13: Quản trị chất lượng giáo dục nhà trường

**\*Đối với giáo viên:**

MĐ 4: Xây dựng kế hoạch dạy học và GD theo hướng phát triển NLPC học sinh.

MĐ 10: THực hiện xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường cho học sinh trong các cơ sở GDPT

2.2. Đổi mới hình thức tổ chức và PPDH.

-Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình thực hiện; gắn dạy học với thực tiễn cuộc sống:

-Thực hiện vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học: Học thông qua chơi, dạy học nhóm, …Đa dạng hóa hình thức dạy học trên lớp, dạy học ngoài không gian lớp học. Vận dụng sáng tạo các kỹ thuật dạy học tích cực (kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật Bản đồ tư duy,…) nhằm góp phần phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tăng cường hoạt động thực hành trải nghiệm trong các bài học trên lớp; trải nghiệm ngoài nhà trường phù hợp với thực tế. Tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống. Giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục về quyền và bổn phận của trẻ em, bình đẳng giới; phòng tránh đuối nước, phòng chống tệ nạn xã hội. Tăng cương giáo dục kĩ năng sống, trong đó chú trọng kĩ năng tự bảo vệ bản thân, kĩ năng vui chơi an toàn, phòng tránh tai nạn thương tich…

-Tạo điều kiện để học sinh được hoạt động phù hợp với năng lực sở trường của bản thân, tránh bắt chước rập khuôn, máy móc. Dạy đến từng học sinh, học sinh được tìm tòi, khám phá…, Tăng cường tổ chức dạy học thông qua chơi một cách phù hợp. Luôn coi trọng sự khác biệt của học sinh, chú ý phát hiện học sinh năng khiếu, phân hóa thích hợp để phát triển từng cá thể học sinh.

- Khuyến khích GV vận dụng những điểm tích cực của các mô hình dạy học tiên tiến, tham khảo các mô hình dạy học hiện đại, hội nhập quốc tế để vận dụng phù hợp.

-Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục học sinh.

2.3. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

Thực hiện đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn trường theo hướng thiết thực hơn trong đó tập trung vào sinh hoạt theo chuyên đề, nghiên cứu bài học, thảo luận rút kinh nghiệm để làm sáng tỏ về việc thực hiện các nội dung mới, khó, dạy học lớp 1;2;3;4 và dạy học lớp 5 theo hướng tiếp cấn CTGDPT2018, chú trong bàn về các giải pháp để nâng cao chất lượng học sinh và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ.....

Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo tổ khối chuyên môn trong trường, cụm trường và cấp huyện. Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt nhằm hỗ trợ giáo viên trong việc chủ động, linh hoạt lựa chọn nội dung, thời lượng dạy học phù hợp, góp phần thực hiện hiệu quả đổi mới phương pháp, hình thức dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình GDPT 2018.

Tổ chuyên môn chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn nội dung sinh hoạt đảm bảo thiết thực hiệu quả ( *quan tâm nghiên cứu bài học và sinh hoạt theo chuyên đề)* nhằm giúp đồng nghiệp tháo gỡ những khoa khăn trong quá trình dạy học.

Các tổ xây dựng kế hoạch SHCM theo nghiên cứu bài học: 2- 3 tiết/tổ/ tháng với 4 bước theo công văn số 1315/BGDĐT Ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn đối với cấp Tiểu học.

Trong sinh hoạt chuyên môn tập trung các vấn đề khó, mới; các nội dung lồng ghép, sử dụng sách mềm, sử dụng các phương pháp dạy học, hình thức dạy học, kỉ thuật dạy học mới, điều chỉnh ngữ liệu phù hợp địa phương, dạy học thông qua chơi, sử dụng thiết bị dạy học, tiếp cận dạy học phát triển năng lưc, phẩm chất đối với tất cả các môn học hoạt động giáo dục, vận dụng mô hình giáo dục steam, các nội dung lồng ghép trong dạy học….

Đối với các hoạt động trải nghiệm và hoạt động ngoài giờ lên lớp: chọn lựa nội phù hợp theo kế hoạch, xây dựng kịch bản để chuẩn bị và tổ chức đảm bảo hiệu quả; nội dung kịch bản, kế hoạch xây dựng và thực hiện có sự phối hợp của TPT đội và giáo viên bộ môn (Tiếng Anh, Mĩ thuật, Âm nhạc…) để mạng lại hiệu quả

**3. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh.**

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT. Thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc việc khảo sát chất lượng cuối năm , kiểm tra định kì, bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; Xem xét đề nghị tuyên dương, khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định. Phối hợp Trường THCS tổ chức lễ bàn giao học sinh lớp 5 trang trọng, tạo động lực cho học sinh chuẩn bị tâm lý chuyển tiếp sang cấp học mới.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

**4. Phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ, … đáp ứng nhu cầu, sở thích.**

***4.1.Phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học***

\*Số lượng học sinh yếu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên học Sinh** | **Lớp** | **Ghi chú** |
| 1 | Thái Nguyễn Gia Hưng | 2A |  |
| 2 | Cao Đình Minh Triết | 2A |  |
| 3 | Lê Quốc bảo | 2A |  |
| 4 | Thái Khánh An | 3A |  |
| 5 | Nguyễn Hoàng Gia Bảo | 5D |  |
| 6 | Đoàn Văn Minh | 5D |  |
| 8 | Nguyễn Thị Mai | 5D |  |
| 9 | Cao Khắc Vũ | 3D |  |
| 10 | Cao Thị Huyễn Trang | 3D |  |
| 11 | Nguyễn Đình Đức Anh | 3E |  |
| 12 | Cao Thiện Phúc | 3B |  |
| 13 | Nguyễn Thị Ngân Khánh | 3B |  |
| 14 | Nguyễn Hải Đăng | 3B |  |
| 15 | Nguyễn Thị Thiên Duyên | 4A |  |
| 16 | Thái Bá Đức | 5A |  |
| 17 | Hoàng Văn Hiếu | 5A |  |
| 18 | Hoàng Sỹ Khánh | 5A |  |
| 19 | Thái Bá Hợp | 4E |  |
| 20 | Cao Thị Hân | 3C |  |
| 21 | Đinh Văn Hoàng Gia | 3C |  |
| 22 | Trần Đức Anh | 3C |  |

**Giải pháp:** Thực hiện có hiệu quả dạy học phân hóa trong từng tiết học; dạy học đến từng học sinh. Quan tâm phụ đạo đối tượng học sinh chưa đạt chuẩn và phát hiện bồi dưỡng học sinh năng khiếu ngay từ đầu năm học để xây dựng kế hoạch dạy học hợp lý.

Phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng các môn học được tiến hành thường xuyên trong từng tiết học, từng buổi học, không để học sinh nào phải “lùi lại phía sau”. Việc phụ đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập cần tận tâm, tận tụy, bằng tình yêu thương của thầy cô giáo.

Khích lệ, theo dõi, kèm cặp đối với học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập. Phát huy vai trò của Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp, Hội khuyên học xã trong việc động viên khích lệ các học sinh có khó khăn trong học tập để giúp học sinh theo kịp các bạn. Kế hoạch cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **Người phụ trách** | **Thời gian** |
| Những học sinh tiếp thu chậm, có khó khăn về học**.** | Giáo viên chủ nhiệm và GV bộ môn. | Trong từng tiết học và tăng cường thêm một số buổi vào chiều thứ tư hoặc thứ sáu. |

***4.2. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu:***

Giáo viên kịp thời phát hiện, áp dụng dạy học phân hóa, động viên, khuyến khích, tạo cơ hội để học sinh được tham gia các sân chơi trí tuệ , tham gia các cuộc thi trên mạng phù hợp với năng lực, sở trường của các em; phối hợp với các trung tâm Tiếng Anh trong việc phát triến năng khiếu học sinh Tiếng Anh.

Tổ chức các sân chơi cho học sinh, trong đó khuyến khích học sinh tự nguyện tham gia các sân chơi: Tiếng Anh English Challenge, Tin học trẻ không chuyên dành cho học sinh tiểu học, Đại Sứ Văn hóa đọc, Giao lưu An toàn giao thông, Trạng nguyên tiếng Việt, Trạng nguyên nhí, đấu trường Toán học, IOE, Văn, Toán tuổi thơ các cấp… động viên học sinh tham gia các sân chơi do Bộ, Sở tổ chức.…Tổ chức giao lưu Văn Toán tuổi thơ cấp trường cho lớp 2;3;4;5 và hội vui học tập, rung chuông vàng cho lớp 1;2;3…với các hình thức đa dạng. Đặt mua báo cho học sinh để học sinh có điều kiện tham gia một số cuộc thi trên báo Văn Tuổi thơ, Toán tuổi thơ, báo nhi đồng Chăm học, …

Tăng cường việc phối hợp gia đình, nhà trường, phát huy vai trò của ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc động viên học sinh tham gia các cuộc thi, sân chơi do cấp trên và các đơn vị phối hợp tổ chức. Kế hoạc cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Người phụ trách** | **Thời gian** |
| 1 | Bồi dưỡng trong từng tiết học. | Giáo viên chủ nhiệm và GV bộ môn. | Từng tiết học |
| 2 | Câu lạc bộ Văn, Toán tuổi thơ học sinh lớp 3;4;5. | - Nguyễn Thị Phương. L3  - Cao Thị Tố. L4  - Đoàn Thị Tý. L4  - Đặng Thị Hương. L5  - Cao Thị Tình. L5 | Chiều thứ tư hoặc thứ sáu |
| 3 | Câu lạc bộ “ Võ thuật”. | Cao Văn Quỳnh | Cuối buổi chiều thứ hai, thứ tư, thứ sáu |

**5. Giáo dục đối với học sinh khuyết tật, học sinh gặp khó khăn về học.**

Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật. Tăng cường công tác tuyên truyền, phối hợp trong và ngoài nhà trường về vấn đề giáo dục hòa nhập; thực hiện dạy học và đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập theo kế hoạch giáo dục cá nhân, phù hợp với đối tượng học sinh khuyết tật.

Giao nhiêm vụ cho giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn dạy các lớp có học sinh khuyết tật học hòa nhập quan tâm tạo điều kiện, động viên các em trong học tập và các hoạt động của lớp phù hợp với mức độ khuyết tật của từng em, động viên sự tiến bộ của các em một cách kịp thời để các em hòa nhập một cách hiệu quả nhất.

Tăng cường việc phối hợp gia đình, nhà trường, phát huy vai trò của ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc động viên, khích lệ, theo dõi, động viên khích lệ các học sinh có khó khăn trong học tập để giúp các em hoà nhập tốt. Những em có dấu hiệu bệnh lý ảnh hưởng đến khả năng học tập GVCN cần tuyên truyền, động viên gia đình làm hồ sơ cho học các em đúng quy định.

Đánh giá và xếp loại học sinh khuyết tật và học snh gặp khó khăn về học cần căn cứ vào mức độ đạt được so với nội dung và yêu cầu đã được điều chỉnh theo quy định tại Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

**6. Công tác tài chính.**

Thực hiện nghiêm quy định về thực hiện các khoản thu theo cv số 1966/SGD&ĐT-KHTC, ngày 05/9/2024 của SGD&ĐT Nghệ An, V/v hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2024 - 2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Kế hoạch tài chính nhà trường được xây dựng chi tiết, cụ thể, đúng quy định, sát với tình hình thực tiễn của nhà trường. Thường xuyên rà soát để đảm bảo kế hoạch thu chi.

Thực hiện thu, chi song song việc thu 2 hình thức thu và tiến tới thực hiện thu không dùng tiền mặt đối với các phụ huynh có tài khoản thông qua phần mềm. Thực hiện nghiêm túc quy định về biên lai tài chính trong công tác thu. Thực hành tiết kiệm để đảm bảo các hoạt động nhà trường.

Cập nhật chứng từ thu, chi theo, đảm bảo tiến độ; thực hiện các báo cáo kịp thời. Tăng cường công tác tự kiểm tra, thanh tra tài chính trong năm học. thực hiện việc công khai, quyết toán kịp thời đúng quy định.

**7. Công tác KĐCL và xây dựng trường chuẩn Quốc gia.**

Thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT. Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Đánh giá, xác định đúng thực trạng để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, bổ sung CSVC nhằm phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và giữ vững trường đạt CQG mức độ 2, KĐCL cấp độ 3. ( kiểm tra công nhận lại vào năm 2026).

Tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo tập trung huy động các nguồn lực để xây dựng, nâng cao chất lượng nhà trường nhằm giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 2 và KĐCLGD cấp độ 3.

**8. Công tác kiểm tra nội bộ trường học:**

Xây dựng kế hoạch KTNB phù hợp với tình hình và thực tiễn nhà trường. Làm tốt công tác tự kiểm tra trong đó chú trọng kiểm tra việc thực hiện chương trình GDPT 2018, nhất là với lớp 5; kiểm tra cơ sở vật chất, an ninh an toàn trường học; công tác đổi mới đánh giá học sinh, công tác tài chính, việc thực hiện các khoản thu, công tác công khai dân chủ, công tác đảm bảo chất lượng…..

- Chú trọng kiểm tra, tư vấn giáo viên dạy lớp 4,5; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chương trình GDPT 2018, đánh giá HS.

Hồ sơ lư trử đầy đủ, đúng quy định.

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA NỘI BỘ NĂM HỌC 2024 - 2025.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đối tượng kiểm tra** | **Nội dung kiểm tra** | **Phân công thực hiện** |
| **Tháng 8/2024** | CSVC | Hệ thống CSVC của nhà trường. | Tổ KT CSVC |
| **Tháng 9/2024** | Nhà trường | Công tác tuyển sinh | BGH - TTCM |
| **Tháng 10/2024** | Cao Thị Kỷ | Kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học; đổi mới PPDH và đánh giá học sinh. | Đặng Thị Hương  Hoàng Thị Lan |
| Toàn bộ giáo viên | Hồ sơ GV (lần 1 ) | Tổ kiểm tra |
| **Tháng 11.2024** | Cao Thị Tình | Kiểm tra việc sử thực hiện CTGDPT 2018, đổi mới PPDH và đánh giá học sinh. | Đặng Thị Hương  Hoàng Thị Lan |
| Đinh Thị Thủy | Công tác chủ nhiệm lớp: | Nguyễn Thị Phương |
| **Tháng 12.2024** | Đặng Quang Tuấn | Kiểm tra việc sử thực hiện CTGDPT 2018, đổi mới PPDH và đánh giá học sinh. | Đặng Thị Hương  Lưu Lương Điền |
| Tổ chuyên môn | Kiểm tra hoạt động của tổ chuyên môn. | BGH |  |  |  |  |
| Mỗi khối 2 lớp | Kiểm tra hoạt động học tập và rèn luyện của HS | Tổ kiểm tra |
| **Tháng 1.2025** | Cao Thị Hồng Duyên | Kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học; đổi mới PPDH và đánh giá học sinh. | Nguyễn Thị Phương |
| Nguyễn Thị Châu | Công tác chủ nhiệm lớp | Nguyễn Thị Phương |
| **Tháng 2.2025** | Hoàng Thị Liên | Kiểm tra việc sử thực hiện CTGDPT 2018, đổi mới PPDH và đánh giá học sinh. | Đoàn Thị Tý  Hoàng Thị Lan |
| Mỗi khối 2 lớp | Kiểm tra kết quả giảng dạy, giáo dục. | Tổ kiểm tra |
| **Tháng 3.2025** | Hoàng Thị Cúc | Kiểm tra việc sử thực hiện CTGDPT 2018, đổi mới PPDH và đánh giá học sinh. | Nguyễn Thị Phương  Hoàng Thị Lan |
| **Tháng 4.2025** | Cao Thị Hoài | Kiểm tra công tác thư viện thiết bị. | BGH |
| **Tháng 5.2025** | Toàn bộ giáo viên | Hồ sơ GV (lần 2 ) | Tổ kiểm tra |
| Nhà trường | Kiểm tra công tác đảm bảo chất lượng. | Tổ kiểm tra |

Ngoài ra, do yêu cầu công tác quản lý, có thể bố trí kiểm tra đột xuất hoặc bổ sung nội dung KT theo yêu cầu và phù hợp tình hình thực tế của trường.

**9. Công tác thư viện –thiết bị và xây dựng văn hoá đọc:**

*9.1..Công tác thư viện –thiết bị*:

Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Tiêp tục thực hiện mô hình thư viện thân thiện phù hợp với điều kiện thực tế của trường mình. Tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong trường, trong đó bảo đảm thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Tiếp tục rà soát và bổ sung thiết bị còn thiếu cho các khối lớp kịp thời.

Chỉ đạo giáo viên tích cực sử dụng thiết bị dạy học một các hiệu quả.

Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học trong toàn thế giáo viên.

Thực hiện tốt công tác giao nhận, bàn giao thiết bị dạy học hàng năm cho từng giáo viên.

*9.2. Phát triển văn hoá đọc:*

Phát huy thư viện thân thiện, thư viện lớp học, dành một số tiết giáo dục tập thể tổ chức các tiết đọc sách cho họ sinh để tạo thói quen đọc sách. Xây dựng các thư viện lớp điển hình và tuyên truyền vận động phụ huynh cho học sinh tham gia giờ vui chơi cuối giờ học vào việc đọc sách tại thư viện nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Cán bộ thư viện xây dựng kế hoạch phát triển văn hóa đọc, theo dõi phong trào đọc sách, thành lập tổ công tác thư viện để duy trì hoạt động của thư viện, tạo các vị trí đọc sách thuận lợi cho HS với phương châm sách tìm người.

CBTV phối hợp với TPT và GVCN các lớp tổ chức giới thiệu sách, tổ chức tốt ngày hội đọc sách, thi kể chuyện theo sách. Tăng cường hoạt động giới thiệu sách và động viên khen ngợi những học sinh yêu thích đọc sách để nhân rộng trong toàn trường.

Tổng phụ trách đội phối hợp nhân viên thư viện và giáo viên chủ nhiệm biểu dương các gương sáng về việc đọc sách báo, tổ chức các cuộc thi từ việc đọc sách báo để khích lệ học sinh và giáo viên tham gia tích cực, làm chuyển biến rõ nét hơn về văn hóa đọc trong nhà trường.

Bổ sung tủ sách tại các lớp bằng việc quyên góp sách từ học sinh, vận động phụ huynh. Các lớp mượn, đổi sách để sách được luân chuyển, học sinh được đọc nhiều quyến sách mới. Trích một phần ngân để bổ sung tủ sách tư viện, đáp ứng yêu cầu dạy học và nhu cầu đọc, tham khảo của GV và HS.

Tận dụng hiệu quả thời gian sinh hoạt đầu buổi học, các giò chơi để tổ chức các hoạt động vui chơi và đọc sách cho học sinh, phát động HS tham gia các cuộc thi trên báo Nhi đồng, trên báo Văn tuổi thơ, toán tuổi thơ, đại sứ văn hoá đọc...

**10. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học .**

Bố trí đủ 1 lớp/phòng để dạy học 2 buổi/ngày; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu; tăng cường bổ sung trang thiết bị dạy học hiện đại (***ti vi, CPU máy tính có kết nối mạng*** ) phục vụ cho hoạt động dạy học, giáo dục nhằm thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018.

Rà soát, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học theo đúng quy định, bảo đảm có đủ thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có. Thực hiện công khai danh mục, thiết bị đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học với mục tiêu kiên quyết không để tình trạng *“thiết bị đến trường mà không ra lớp”*;

Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học bổ sung vào phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo lộ trình.

Tăng cường việc bố trí không gian lớp học đảm bảo thân thiện, phù hợp, thuận tiện cho việc tổ chức thực hiện đổi mới PPDH theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

**11. Công tác phổ cập giáo dục*:***

Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các biện pháp chống mù chữ, phổ cập GDTH bền vững:

Làm tốt công tác tuyên truyền huy động hết số trẻ trong độ tuổi nhập học đúng độ tuổi; chống bỏ học giữa chừng; đảm bảo chất lượng phổ cập theo Chuẩn KT,KN.

Làm tốt công tác điều tra đến từng hộ gia đình đảm bảo thông tin chính xác, cập nhật. Tổng hợp số liệu vào phần mềm kịp thời chính xác. Phối hợp chặt chẽ với trường THCS và trường Mầm non trong công tác điều tra, tổng hợp báo cáo.

Thực hiện nghiêm túc quy trình, hồ sơ và thời gian tự kiểm tra, báo cáo phổ cập theo đúng quy định.

Xây dựng hồ sơ đảm bảo cập nhật chính xác và tính pháp lý. Xây dựng kế hoạch, đề án công tác phổ cập phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhà trường.

Hướng dẫn học sinh khuyết tật thiết lập hồ sơ đúng quy định.

Chuẩn bị tốt mọi điều kiện để đón các đoàn kiểm tra cấp trên về công tác phổ cập.

**12 . Các hoạt động GD khác:**

***12.1. Công tác y tế trường học:***

Làm tốt công tác tuyên truyền để 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế.

Phối hợp trung tâm y tế, trạm y tế xã để tổ chức tốt việc chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kì cho học giáo viên, nhân viên và học sinh. Tổ chức tốt việc tiêm vác xin, uống thuốc tẩy giun định kì. Tăng cường các biện pháp kiểm tra an toàn phòng chống dịch.

Lưu trữ các hồ sơ theo dõi súc khỏa học sinh và các hồ sơ y tế trường học dầy đủ

Tăng cường tập huấn công tác y tế trường học đầy đỉ theo quy định

***12.2.. Lao động, vệ sinh; xây dựng cảnh quan môi trường***

 Tổ chức cho học sinh  chăm sóc và bảo vệ cây xanh.

GVCN mỗi lớp kết hợp với TPT chỉ đạo học sinh  trang trí xanh hoá lớp học tạo không khí lớp học thoải mái, mát mẽ từ đó tạo cho học sinh tích cực hơn trong học tập.

Giáo dục học sinh luôn có ý thức làm và giữ vệ sinh trường lớp hằng ngày để tạo thói quen cho các em.

Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, học sinh chủ động tích cực, tạo cho các em có cảm giác gần gũi với mái trường của mình. Từ đó các em có được sự hứng thú trong học tập vui chơi cũng như các hoạt động xã hội. Qua đó phát huy được tính sáng tạo của các em.

Thường xuyên sinh hoạt giáo dục học sinh về ý thức bảo vệ cảnh quan môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng, vệ sinh cá nhân. Lồng ghép giáo dục cho học sinh  trong các tiết dạy có nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường, sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm,…

Cải tạo hệ thống sân trường  đảm bảo an toàn cho học sinh khi tham gia các trò chơi do trường tổ chức, tạo môi trường sạch- đẹp để học sinh thích được đến trường.

Thực hiện hiệu quả phong trào xây dựng“ Trường học thân thiện, học sinh tích cực”

Tham mưu với chính quyền địa phương xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất của trường đảm bảo yêu cầu theo TT13/ TT-BGD.

***12.3. Công tác tâm lý học đường:***

GV phải luôn quan tâm nắm bắt các biểu hiện tâm lí bất thường của học sinh để tư vấn kịp thời.

Xậy dựng góc tư vấn tâm lí phù hợp; Phát huy vai trò của tổ tư vấn tâm lí.

Xây dựng kế hoạch tư vấn tâm lý cụ thể như sau:

**\*Nội dung tư vấn:**

- Tư vấn tâm lý lứa tuổi, giới tính, gia đình, sức khỏe sinh sản vị thành niên phù hợp với lứa tuổi.

- Tư vấn, giáo dục kỹ năng, biện pháp ứng xử văn hóa, phòng, chống bạo lực, xâm hại và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Tư vấn tăng cường khả năng ứng phó, giải quyết vấn đề phát sinh trong mối quan hệ gia đình, thầy cô, bạn bè và các mối quan hệ xã hội khác.

- Tư vấn kỹ năng, phương pháp học tập hiệu quả.

- Tham vấn tâm lý đối với học sinh gặp khó khăn cần hỗ trợ, can thiệp, giải quyết kịp thời. Giới thiệu, hỗ trợ đưa học sinh đến các cơ sở, chuyên gia điều trị tâm lý đối với các trường hợp học sinh bị rối loạn tâm lý nằm ngoài khả năng tư vấn của nhà trường.

**\* Hình thức thực hiện:**

- Xây dựng các chuyên đề về tư vấn tâm lý cho học sinh và bố trí thành các bài giảng riêng hoặc lồng ghép trong các tiết sinh hoạt lớp, sinh hoạt dưới cờ. Tổ chức dạy tích hợp các nội dung tư vấn tâm lý cho học sinh trong các môn học chính khóa và hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

  - Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, diễn đàn về các chủ đề liên quan đến nội dung cần tư vấn cho học sinh.

- Thiết lập kênh thông tin, cung cấp tài liệu, thường xuyên trao đổi với cha mẹ học sinh về diễn biến tâm lý và các vấn đề cần tư vấn, hỗ trợ cho học sinh.

  - Tư vấn, tham vấn riêng, tư vấn nhóm, trực tiếp tại phòng tư vấn; tư vấn trực tuyến qua mạng nội bộ của lớp, điện thoại và các phương tiện thông tin truyền thông khác.

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý cho học sinh.

- Lồng ghép vào các tiết GDTT (phối hợp với GVCN), các hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khoá….

**\*Công tác phối hợp trong tư vấn tâm lý:**

*- Phối hợp trong nhà trường:*

Cán bộ, giáo viên phụ trách công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, giáo viên bộ môn và các lực lượng giáo dục khác trong nhà trường khi triển khai các hoạt động tư vấn tâm lý cho học sinh.

*- Phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng bên ngoài:*

Phối hợp với cha mẹ học sinh: Thường xuyên trao đổi thông tin về học sinh; nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh về đặc điểm phát triển tâm sinh lý lứa tuổi và tác động của những thay đổi đó đối với học sinh; thường xuyên quan tâm, phát hiện và có biện pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp đối với những biểu hiện bất thường của học sinh.

Phối hợp với tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức chính trị - xã hội khác để tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý.

Phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có chức năng để tổ chức hoạt động tư vấn tâm lý phù hợp với nhu cầu của học sinh và yêu cầu giáo dục của nhà trường.

**\* Phân công nhiệm vụ tư vấn tâm lý như sau:**

Bố trí giáo viên có khả năng giải đáp, tư vấn theo các nội dung trên, chủ yếu đưa ra những phân tích, lời khuyên thiết thực giúp các em giải toả được về mặt tinh thần, làm cho các em cảm thấy vững vàng, tự tin và trên cơ sở đó có thể tự giải quyết được vấn đề của mình theo hướng tích cực.

Các giáo viên làm công tác tư vấn phối hợp với giáo viên chủ nhiệm cùng các lực lượng trong nhà trường, cha mẹ học sinh và các lực lượng ngoài nhà trường có liên quan để thực hiện công tác tư vấn cho học sinh.

Nhà trường bố trí phòng tư vấn tâm lý học đường ở phòng đội để phục vụ cho công tác tư vấn.

1. Bà: Hoàng Thị Lan - Phó Hiệu trưởng : Tổ trưởng;

2. Bà: Cao Thị Thanh - Chấp hành công đoàn: Thành viên;

3. Bà: Đinh Thị Thủy -  TPTĐ: Thành viên;

4. Bà: Nguyễn Thị Phương - Tổ Trưởng tổ 1;2;3: Thành viên;

5. Bà: Võ Thị Minh Nguyệt - Tổ phó tổ 1;2;3 : Thành viên;

6. Bà : Đặng Thị Hương - Tổ trưởng tổ 4;5: Thành viên;

7. Bà: Đoàn Thị Tý - Tổ phó tổ 4;5: Thành viên;

8. Bà: Hoàng Thị Châu Long - GVCN lớp 5D: Thành viên;

9. Bà: Hoàng Thị Hoá - GVCN lớp 3B;

10.Bà: Đậu Thị Hương - Văn phòng: Thành viên;

11.Ông : Hoàng Văn Giang - TBĐ DCMHS - Thành viên

12. Em: -Ban chỉ huy liên đội - Thành viên

***12.4. Công tác giáo dục thể chất, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học:***

Thực hiện hiệu quả chương trình giảng dạy thể dục ( GDTC) ở các khối lớp. Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục thể chất gắn liền với nội dung môn học, đa dạng hóa các hoạt động vận động. Động viên học sinh tham gia các hoạt động rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất. Tổ chức hội khỏe phù đổng cấp trường, tham gia hội khỏe phù đổng cấp huyện, tỉnh**.**

Phổ biến nội quy trường lớp và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy, kiểm tra an toàn trường học (về cơ sở vật chất, cây cổ thụ, hệ thống điện, khu vui chơi…) Rà soát các phương tiện, phương án phòng cháy chữa cháy để khắc phục nếu mất an toàn và bổ sung kịp thời.

Truyền thông về phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, xâm hại trẻ em, phòng chống bạo lực học đường, phồng chống dịch bệnh, các tê nạn xã hội… với nhiều hình thức: sân khấu hóa, tổ chức các các thi, đố vui…

Phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương để tổ chức cho các em tham gia các hoạt động văn hóa- thể thao, các hoạt động hè tại địa phương.

Tăng cường giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.

Phối hợp với gia đình quản lí học sinh trong thời gian học sinh ở nhà.

***12.5. Công tác dân chủ cơ sở:***

Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, công khai đầy đủ theo quy định. thực hiện đúng quy trình vận động tài trợ và các khoản thu. Phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân. Công đoàn, Ban đại diện PH trường, PH các lớp. Định kì đánh giá, kịp thời bổ sung những chỗ còn thiếu sót.

Thực hiện đầy đủ việc tiếp công dân, kịp thời nắm bắt thông tin từ phụ huynh, học sinh, giáo viên để kịp thời xử lí.

***12.6. Công tác dân vận chính quyền:***

Cùng với công đoàn, tăng cường công tác tuyên truyền động viên CBGV, NV, NLĐ thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị, chia sẻ khó khăn, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hưởng ứng các cuộc vận động của các cấp các ngành, giúp nhau về công tác tự học tự bồi dưỡng, về tiếp cận các phương pháp dạy học tiên tiến….

Mỗi cán bộ giáo viên, NV là một cán bộ dân vận để tuyên truyền, giải thích, tạo sự đồng thuận trong đơn vị, trong phụ huynh và trong xã hội.

Biểu dương các cá nhân làm tốt mô hình “ Dân vận khéo “

***12.7. Công tác cải cách hành chính:***

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện công việc tiết kiệm thời gian, nhân lực.

Rà soát và tích hợp các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo khoa học, hiệu quả

Xây dựng quy chế hoạt động đảm bảo khoa học. Tăng cường tự bồi dưỡng và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ giáo viên, nhân viên để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

***12.8.Công tác phòng chống tham nhũng.***

Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về PCTN, trong đó tập trung thực hiện đề án tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo; tuyên truyền sâu rộng về Luật PCTN.

 Tập trung cụ thể hóa các văn bản pháp luật, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả PCTN. Thực hiện nghiêm Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật PCTN;

 Xây dựng và ban hành bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, đảng viên trong công việc và trách nhiệm giải trình trước cơ quan có trách nhiệm về những vấn đề liên quan theo quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thực hiện nghiêm quy định về công khai minh bạch tài sản; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật Đảng; quản lý chặt chẽ cán bộ đảng viên, công chức.

***12.9.Công tác cải cách hành chính.***

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước, quy định của ngành, nội quy của cơ quan đơn vị cho CB,GV,NV và phụ huynh.

Sắp xếp, quản lý, lưu trữ văn bản đi, đến khoa học đúng quy định.

Xây dựng và công khai quy trình, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính. Phân công CB-GV-NV phụ trách, bố trí cơ sở vật chất phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà trường. Đảm bảo thời gian, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Phân công cán bộ và công khai số điện thoại của cán bộ chịu trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính của các bộ phận chức năng trong nhà trường.

Có giải pháp nâng cao chất lượng hội họp; giảm giấy tờ hành chính không cần thiết; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Thực hiện việc tiếp dân, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính theo quy định; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính tại đơn vị.

Tăng cường ứng dụng KNTT, thực hẹn công việc tết kệm thờ gan, nhân lực

Rà soát tích hợ hồ sơ đả bảo hiệu quả

Xây dưngu quy chế hoạt động, tăng cường từ bồ dướng và bò dướng nghiệp vụ cho CNGV, NV dể hoàn thành tốt nhệm vụ

***12.10. Tăng cường chuyển đổi số và giáo dục kĩ năng công dân số.***

*12.10.1 Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số*

Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” phù hợp với thực tiễn tại trường và địa phương. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến) đạt từ 2% đến 5%, duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Tích cực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành và thực thi công vụ gắn với cải cách hành chính; từng bước xây dựng cơ quan điện tử, thay đổi thói quen làm việc, nâng cao năng lực trong công tác quản lý của đội ngũ CBQL, giảm tải áp lực về hồ sơ cho đội ngũ GV; tiết kiệm chi phí và thời gian

Tiếp tục triển khai thực hiện một số nội dung chuyển đổi số (Học bạ điện tử, Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số) .

*12.10.2. Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy*

Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kĩ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

*12.10.3 Triển khai Học bạ số*

Thực hiện triển khai Học bạ số từ năm học 2024-2025 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

***12.11. Tăng cường đổi mới công tác quản lý giáo dục.***

Thực hiện đổi mới hiệu quả công tác quản lý giáo dục; tăng cường quản lý việc thực hiện các liên kết đâò tạo trong cơ sở giáo dục. Quan tâm việc thực hiện các nội dung về tổ chức hoạt động giáo dục theo nhu cầu người học, thực hiện đúng các khoản thu dịch vụ theo quy định; thực hiện tốt quy chế dân chủ .

Đẩy mạnh khai thác, sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; cập nhật kịp thời đầy đủ thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành. Thực hiên tinh giản hồ sơ nhà trường.

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các trường về việc thực hiện các chính sách về giáo dục, chú trọng các nội dung: công tác quản lý hoạt động dạy học, thực hiện chương trình, lựa chọn sách giáo khoa, chương trình giáo dục ngoài giờ chính khoá,…

Quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy sự chủ động, linh hoạt, tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn và GV trong việc thực hiện Chương trình.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương gắn liền với thực hiện dân chủ cơ sở; đảm bảo công khai theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

Tổ chức ký cam kết giữa Hiệu trưởng với GV, Tổ trưởng chuyên môn về việc đảm bảo chất lượng giáo dục học sinh của các môn, khối lớp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Tổ chức khảo sát chất lượng học sinh toàn trường

Tăng cường CSVC thiết bị đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị trường học (*sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, giáo án điện tử,…);*

***12.12. Công tác thi đua khen thưởng.***

Phát động và tổ chức các phong trào thi đua thiết thực, hiệu quả góp phần tạo sự chuyển biến trong toàn ngành hướng đến đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong việc thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục tại địa phương gắn với phong trảo thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý giảng dạy và học tập” của ngành giáo dục giai đoạn 2020-2025.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”;Triển khai thực hiện tốt Phong trào thi đua gắn với các hoạt động của nhà trường.

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt các biện pháp khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục. Đánh giá khách quan, trung thực; không để học sinh «ngồi nhầm lớp». Xây dựng, công khai các tiêu chí thi đua cụ thể, phù hợp với thực tế của nhà trường..

***12.13. Công tác phối hợp*.**

Thường xuyên giữ mối liện hệ, phối hợp hiệu quả với chính quyền địa phương, các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh và xã hội trong việc giáo dục học sinh, tăng cường CSVC, trang thiết bị dạy học…nhằm phát huy sức mạnh của cộng đồng xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục, cùng chung tay góp sức với nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Kế hoạch công tác phối hợp cụ thể như sau:

**A. PHỐI HỢP VỚI CÁC LỰC LƯỢNG TRONG NHÀ TRƯỜNG**

***1. Giữa nhà trường với công đoàn.***

1.1. Nhà trường và BCH Công đoàn cơ sở có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ vận động tổ chức phong trào quần chúng cán bộ công chức và người lao động trong nhà trường thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết và đường lối của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của các cấp lãnh đạo và của Nhà trường đề ra.

1.2. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để công đoàn cơ sở tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của nhà trường, giải quyết kịp thời các kiến nghị  hợp pháp của đội ngũ cán bộ công chức trong nhà trường. Tập hợp các ý kiến của đoàn viên Công đoàn tham gia với chính quyền nhà trường.

1.3. Công đoàn cơ sở động viên công đoàn viên thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, các hoạt động chuyên môn, ngoài giờ lên lớp; kiến nghị với nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên được học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

1.4. Công đoàn tổ chức hoạt động của các Công đoàn bộ phận, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên Công đoàn - phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hoá; chăm lo sức khoẻ và các điều kiện làm việc, nghỉ ngơi của đoàn viên, vận động, hướng dẫn thực hiện kế hoạch hoá gia đình.

1.5. Nhà trường cùng Công đoàn phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục dài hạn và hàng năm, cùng tổ chức triển khai thực hiện.

1.6. Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên cung cấp các tư liệu cần thiết để Công đoàn tham gia giám sát có hiêụ quả.

1.7. Trước khi ban hành các bổ sung sửa đổi kế hoạch, chủ trương công tác

 của nhà trường, hoặc triển khai thực hiện về chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước mà có liên quan đến đội ngũ cán bộ, công chức thì nhà trường cần trao đổi thống nhất với công đoàn để cùng chỉ đạo thực hiện đảm bảo quyền lợi và nhĩa vụ của đội ngũ đoàn viên, giáo viên.

1.8. Công Đoàn cơ sở có trách nhiệm chỉ đạo các công đoàn bộ phận quán triệt đến đội ngũ đoàn viên các văn bản pháp quy của Nhà nước, động viên và tổ chức giáo dục đội ngũ nghiêm túc thực hiện, đồng thời giám sát việc thực hiện trong nhà trường.

1.9. Đại diện của Công đoàn là thành viên của hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật, xét nâng lương và những vấn đề liên quan đến đội ngũ. Công đoàn có trách nhiệm cử người có đủ thẩm quyền tham gia các hội đồng trên và các ban chỉ đạo của nhà trường.

1.10. Nhà trường và Công đoàn phối hợp chặt chẽ để tổ chức phát động các phong trào thi đua nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn dân cư.

1.11. Hàng năm sau khi thống nhất với công đoàn quyết định công bố nội dung thi đua, chế độ  khen thưởng. Công đoàn đề ra các biện pháp động viên phong trào thi đua, cùng với hội đồng thi đua hướng dẫn tổ chức phong trào thi đua trong nhà trường, đánh giá sơ kết, tổng kết, xét duyệt khen thưởng các tổ chức và cá nhân đạt thành tích xuất sắc.

1.12. Công đoàn cơ sở có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo các hoạt động của ban thanh tra nhân dân, xem xét việc thực hiện các chế độ chính sách, định biên lao động, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, phúc lợi BHXH. Khi phát hiện các vụ việc vi phạm các chế độ chính sách, quyền lợi hợp pháp của người lao động Công đoàn kiến nghị với nhà trường và các cấp có thẩm quyền nghiên cứu xử lý.

1.13 Nhà trường và Công đoàn có trách nhiệm phối hợp giải quyết kịp thời các kiến nghị của đoàn viên công đoàn theo quy định của pháp luật.

1.14. Nhà trường tạo điều kiện thực hiện các chế độ theo quy định của nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi cho Công đoàn cơ sở hoạt động.

1.15. Công Đoàn cơ sở mời lãnh đạo nhà trường dự họp theo định kỳ của BCH Công đoàn để báo cáo hoạt động của Công đoàn và BCH Công đoàn, nghe ý kiến của BCH Công đoàn.

1.16. Trong các cuộc họp mỗi bên cần thông báo trước thời gian, nội dung và cung cấp những tài liệu, thông tin cần thiết để đóng góp, phát biểu, nhất là những vấn đề bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ năm học, các hoạt động nổi bật theo chủ đề, trao đổi tình hình kiểm điểm sự phối hợp, giải quyết các công việc đã qua và những vấn đề mới phát sinh.

1.17. Nhà trường có trách nhiệm thông tin cho Công đoàn biết các chủ trương hoạt động chuyên môn, các chính sách của ngành giáo dục đào tạo, các nhiệm vụ trọng tâm của ngành. BCH Công đoàn mời đại diện lãnh đạo nhà trường dự họp các cuộc họp của BCH Công đoàn thông báo các chế độ chính sách liên quan đến đội ngũ, kết quả các phong trào thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với đội ngũ đoàn viên Công đoàn.

***2. Giữa nhà trường với tổ chức Đội:***

          2.1 Nhà trường chỉ đạo Đoàn Đội hoạt động theo đúng chương trình, kế hoạch năm học của ngành và nhà trường nhằm mục đích giáo dục đạo đức tác phong đoàn viên và học sinh đồng thời xây dựng nền nếp tốt trong trường học, tạo môi trường trường học an toàn, thân thiện.

2.2 Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn Đội tổ chức hoạt động theo chương trình hoạt động của Đoàn Đội cấp trên, đảm bảo chế độ chính sách cho giáo viên phụ trách công tác Đoàn Đội.

2.3 Đoàn Đội phải có nhiều giải pháp tích cực để giáo dục tác phong đạo đức, nhân cách cho học sinh sống theo nề nếp, kỉ luật và rèn luện kỹ năng sống cho học sinh.

2.4 Đoàn Đội phải ngăn chặn kịp thời những hành vi sai trái của học sinh, đề xuất nhà trường có biện pháp xử lý giáo dục học sinh vi phạm một cách kịp thời và phù hợp với từng đối tượng.

2.5 Đoàn Đội tích cực đi thực tế tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình của mỗi học sinh để có thể chia sẻ, động viên học sinh và đưa ra các giải pháp giáo dục học sinh cá biệt phù hợp, có hiệu quả.

**3. Giữa GVCN với CMHS và BGH:**

3.1.GVCN thường xuyên tới thăm hỏi động viên gia đình học sinh ít nhất một lần/học kỳ/1 học sinh ( đặc biệt là những học sinh yếu, thường vắng học).

3.2. GVCN thường xuyên tuyên truyền các chủ trương đường lối của đảng (chú ý đến các văn bản liên quan đến giáo dục) nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân có tinh thần ham học, tạo lên phong trào thi đua học, học suốt đời…

3.3. BGH nhà trường chỉ đạo GVCN xây dựng kế hoạch thăm hỏi CMHS, thường xuyên giám sát đánh giá báo cáo hàng tháng, học kỳ. Những trường hợp phức tạp BGH cùng GVCN phối hợp với đại diện CMHS giải quyết.

**B. PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VỚI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG:**

***1- Đối với Đảng ủy và UBND xã Diễn Thọ:***

1.1. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo xã đưa các nội dung hoạt động giáo dục vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

  1.2. Đảng ủy và chính quyền địa phương làm tốt việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết, kế hoạch về công tác giáo dục ở từng thôn xóm. Hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho nhà trường thực hiện các nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn xã.

1.3. Các tổ chức đoàn thể, chính quyền ở địa phương tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá cụ thể của các hoạt động giáo dục trên địa bàn thôn xóm, có báo cáo hoạt động từng quý, năm lên cấp lãnh đạo xã.

***2- Đối với tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Diễn Thọ:***

2.1 Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Mặt trận xã, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên xã để làm tốt công tác tuyên truyền, vận động huy động học sinh đến trường, chống học sinh bỏ học, giáo dục đạo đức cho học sinh. Có chính sách ưu tiên động viên và khuyến khích, hỗ trợ đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Phối kết hợp với nhà trường thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi.

2.2 Đẩy mạnh công tác khuyến học trên địa bàn thôn xóm, họ tộc ở địa phương để khuyến khích, động viên học sinh vươn lên trong học tập và rèn luyện.

***3- Đối với các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn:***

3.1 Nhà trường cần tranh thủ sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn để huy động nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất trường học và xây dựng quỹ khuyến học nhằm động viên phong trào thi đua dạy tốt - học tốt.

3.2 Tổ chức các hoạt động bằng nhiều hình thức phong phú để huy động nguồn vốn trong nhân dân hỗ trợ việc nâng cấp cơ sở vật chất thiết bị trường học và giúp học sinh nghèo vượt khó đến trường.

**C. ĐỐI VỚI HỘI CHA MẸ HỌC SINH**

          1. Nhà trường tạo điều kiện thuận cho Hội cha mẹ học sinh hoạt động và tổ chức Đại hội mỗi năm 1 lần để đánh giá tình hình hoạt động của Hội trong năm cũ, đề ra kế hoạch hoạt động trong năm học mới và tổ chức bầu Ban đại diện CMHS của năm học 2024- 2025.

          2. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Hội CMHS trong việc giáo dục đạo đức và quản lý học sinh; chăm lo các điều kiện phục vụ cho việc học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh.

          3. Nhà trường cùng Ban đại diện Hội CMHS tổ chức họp phụ huynh theo định kì để thông báo tình hình học tập, rèn luyện của học sinh và đưa ra giải pháp cùng phối hợp giáo dục học sinh.

 4. Ban đại diện hội cha mẹ học sinh tổ chức hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

***12.14. Công tác thông kê.***

- Làm tốt công tác thống kê đảm bảo chính xác; Các báo cáo đầy đủ kịp thời;

- Xây dựng bổ sung kế hoạch phát triển trường lớp đến năm 2025, trình UBND xã, PGD để UBND xã có kế hoạch tăng cường CSVC đáp ứng yêu cầu dạy học theo từng thời kỳ;

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Kế hoạch giáo dục được quán triệt và phổ biến đến tận từng cán bộ giáo viên, nhân viên, người lao động nhà trường và công khai trên hộp thư điện tử, trang zalo trường, lớp và phụ huynh bằng các kênh thông tin.

2. Kế hoạch được thống nhất biểu quyết tại hội nghị CBVN-NLĐ đầu năm học, các tổ chức, cá nhân căn cứ thực hiện.

3. Tổ chuyên môn, các tập thể cá nhân căn cứ kế hoạch thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch hiệu quả .

**VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

**1. Ban giám hiệu:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ được giao (kể cả kiêm nhiệm)** |
| 1 | Lưu  Lương  Điền | Hiệu trưởng | 1.Công tác tư tưởng, chính trị, dân chủ trường học  2.Công tác Tổ chức cán bộ .  3.Công tác Tài chính; tài sản, CSVC.  4.Công tác kiểm tra nội bộ; Chỉ đạo KĐCL GD.  5.Công tác Thi đua, khen thưởng, kỷ luật;  6.Thực hiện các báo cáo liên quan lĩnh vực phụ trách và duyệt các báo cáo.  7.Chỉ đạo thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua liên quan đến cấp học.  8. An ninh trật tự, an toàn trường học...  9. Công tác tham mưu, đối ngoại, XHX GD  10.Công tác tiếp dân, công tác khác được cấp trên giao theo quy định. |
| 2 | Hoàng Thị Lan | Phó hiệu trưởng | 1. Phụ trách lĩnh vực chuyên môn: Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; lập và lưu trữ hồ sơ theo quy định.  2. Cùng với hiệu trưởng, chỉ đạo và thực hiện công tác kiểm định chất lượng, công tác ngoại khoá – chuyên đề, giáo dục ngoài giờ lên lớp, kiểm tra nội bộ.  3. Phụ trách hoạt động thư viện thiết bị, báo chí, công tác y tế, sữa học đường( nếu có) .  4. Phối hợp thực hiện hoạt động thể dục thể thao, văn hoá văn nghệ, các phong trào thi đua.  5. Theo dõi học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh khóa khăn, học sinh chuyển đến, chuyển đi  6. Phụ trách công tác phổ cập, BDTX, SKKN khuyến học, từ thiện nhân đạo  7.Thực hiện báo cáo về lĩnh vực được phân công.  8. Tổ trưởng tổ mua sắm tu bổ CSVC trường lớp học.  9. Chỉ đạo và kiểm tra công tác lao động tu bổ cảnh quan, vệ sinh môi trường.  10. Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được hiệu trưởng phân công  11.Thay mặt hiệu trưởng giải quyết các công việc khi hiệu trưởng vắng hoặc được hiệu trưởng uỷ quyền |

1. **Giáo viên, nhân viên:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ được phân công** | **Ghi chú** |
| 1 | Cao Thị Minh Thủy | Nhân viên Kế toán | 1.Tài chính, tài sản, hồ sơ tổ chức cán bộ, BHXH, hồ sơ y tế học đường; hồ sơ thanh quyết toán sữa học đường (nếu có).  2.Tham mưu cho Hiệu trưởng về hoạt động tài chính, kế toán.  3.Tham gia công tác văn phòng, phục vụ  4.Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được hiệu trưởng phân công. |  |
| 2 | Cao Thị Hoài | Nhân viên TV-TB | 1.Phụ trách thư viện-thiết bị theo nhiệm vụ chuyên môn;  2.Thủ quỹ và thu các khoản tiền theo quy định.  3. Phụ trách công tác bảo hiểm y tế HS  4.Tham gia công tác phục vụ; nạp các báo cáo khi được BGH phân công  5.Thực hiện một số việc khác khi được Hiệu trưởng, P. Hiệu trưởng phân công |  |
| 3 | Đậu Thị Hương | Nhân viên văn phòng | 1.Phụ trách công tác văn thư lưu trữ, phục vụ, y tế học đường (chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBGV, HS).  2. cấp phát sữa học đường và hồ sơ liên quan ( nếu có).  3. Vệ sinh môi trường, chăm sóc cảnh quan  4.Thực hiện một số việc khác khi được BGH phân công |  |
| 4 | Đặng Thị Hương | Tổ trưởng tổ 4,5 | Giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ của TT chuyên môn theo quy định |  |
| 5 | Nguyễn Thị Phương | Tổ trưởng tổ 1,2,3 | Giảng dạy, GD và thực hiện các nhiệm vụ của TT chuyên môn theo quy định |  |
| 6. | Đoàn Thị Tý | Tổ phó tổ 4,5 | Giảng dạy, GD và thực hiện các nhiệm vụ của TP chuyên môn theo quy định |  |
| 7 | Võ Thị Minh Nguyệt | Tổ phó tổ 1,2,3 | Giảng dạy, GD và thực hiện các nhiệm vụ của TP chuyên môn theo quy định |  |
| 8 | Cao Thị Hồng Duyên | Giáo viên | Giảng dạy, GD và thực hiện nhiệm vụ của theo quy định  Thư ký HĐSP, HĐT |  |
| 9 | Đinh Thị Thuỷ | Dạy NN  TPT Đội | Giảng dạy, GD và thực hiện các nhiệm vụ của TPT Đội theo quy định |  |
| 10 | Các đ/c Giáo viên | Gồm GVCN và GV môn | Chủ nhiệm, giảng dạy các môn học, HĐGD và các nhiệm vụ khác theo định. |  |

**VII/ THÀNH LẬP CÁC BAN, HỘI ĐỘNG, TỔ CHUYÊN MÔN**

1. Thành lập 2 tổ chuyên môn .

2. Thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng.

3. Thành lập ban xây dựng, mua sắm cơ sở vật chất nhà trường

**VIII/ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM HỌC 2024 -2025**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung công việc** | **Ghi chú** |
| Tháng 8/2024 | - Tuyển sinh lớp 1 và duyệt tại phòng  - Tham gia các đợt tập huấn do PGD tổ chức: Dạy thể nghiệm SGK lớp 5 CTGDPT 2018, khai thác sử dụng học liệu tiếng Anh  - Tham dự các Hội nghị: Tổng kết năm học và triển triển khai nhiệm vụ năm học 2024-20245  - Biên chế lớp học; Thực hiện quy trình bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó , phân công nhiệm vụ chuyên môn  - Chuẩn bị khai giảng năm học mới :  - Kiểm tra CSVC an toàn trường học, Tu sửa, bổ sung CSVC  - HS tựu trường, ôn tập, KT lại cho HS chưa HTCT lớp học  - XD Kế hoạch GD nhà trường, kế hoạch tăng cường. |  |
| Tháng 9/2024 | - Khai giảng năm học mới 05/9;  - Ổn định nề nếp dạy học sau khai giảng  - Triển khai các hoạt động tháng An toàn giao thông; tháng Khuyến học;  - Cập nhật dữ liệu trên CSDL ngành và Vnedu, báo cáo dữ liệu Giáo dục Tiểu học đầu năm học qua phần mềm EQMS;  - Tập huấn sử dụng học bạ số  - Tập huấn dạy học tài liệu GD địa phương lớp 5  - Tham gia Cuộc thi Giải thưởng Mi thuật thiếu nhi Nghệ An  - Chuẩn bị và tổ chức Hội nghị VC, người lao động .  - Tư vấn về dạy học lớp 5 và một số GV  -Họp phụ huynh đầu năm học  **-**Thực hiện quy trình về tổ chức dạy học tăng cường  - Làm PCGD  - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 10/2024 | - Tư vấn dạy học lớp 5- CTGDPT 2018  - Tham gia tập huấn CM theo lịch PGD “dự án học thông qua chơi”  - Dạy thực nghiệm tài liệu GD địa phương  - Hoàn thiện Hồ sơ PCGDTH  - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 11/2024 | - Tiếp tục tư vấn dạy học lớp 5  - Kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I.  - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày NGVN 20-11.  - Thi GVG cấp huyện ( tháng 11,12)  - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 12/2024 | - Hoàn thiện hồ sơ PCGD  - Sinh hoạt chuyên môn cấp huyện về DH lớp 5 “ học thông qua chơi”  - Hội thi Giáo viên giỏi cấp huyện( phần thực hành)  - Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ năm học  **-** Tổ chức HĐ NGLL theo KH  - Tổ chức trải nghiệm ngoài nhà trường cho HS  - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 01/2025 | - Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I;  - Hoàn thành chương trình học kì I, triển khai chương trình học kì II.  - Họp phụ huynh lần thứ 2  **-** Tổ chức HĐ NGLL theo KH  Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 02/2025 | - Kiểm tra nền nếp dạy và học sau Tết nguyên đán;  SHCM theo lịch PGD  - Giao lưu Văn, toán tuổi thơ lớp 5 cấp trường.  - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 3/2025 | - Tham gia Hội thảo chia sẻ áp dụng Học thông qua chơi  - GL Văn toán tuổi thơ cấp huyện.  - Kiểm tra định kỳ giữa học kỳ II;  - Tổ chức Ngày Hội Stem  - Tổ chức HĐ NGLL theo KH  -Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 4/2025 | - Khảo sát chất lượng học sinh cuối năm  - Tin học trẻ cấp huyện  - Tổ chức ngày hội đọc sách  - Giao lưu văn, toán tuổi thơ cấp trường lớp 3; 4.Rung chuông vàng K1;2;3.  - Tổ chức HĐ NGLL theo KH  - Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 5/2025 | - Kiểm tra định kỳ cuối năm học;  - Hoàn thành chương trình năm học 2024-2025;  - Tổng kết năm, học, Lễ ra trường và bàn giao HS về hè .  - Hội thi Tin học trẻ cấp tỉnh  - Tham gia thi Đại sứ văn hóa đọc  - Thực hiện công tác đánh giá, thi đua cuối năm học  - Họp phụ huynh lần 3  **-** Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch |  |
| Tháng 6/2025 | - Thực hiện và nạp các loại hồ sơ BC.  - Kiểm tra tài chính năm học.  - GL văn toán tuổi thơ cấp quốc gia.  - Thi tin học trẻ cấp quốc gia. |  |

***Nơi nhận*** : **HIỆU TRƯỞNG**

* PGD&ĐT
* BGH
* BĐD CMHS( phối hợp)
* Tổ CM
* Lưu: VT

**Lưu Lương Điền**

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**